**Bài 10: Cười mình, cười người**

**(Thơ trào phúng)**

**Giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn trang 100**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ yêu cầu cần đạt**

**-** Nhận biết được các văn bản thơ trào phúng để thấy được đặc điểm của thể loại này như: *Cách gieo vần, ngắt nhịp, giọng điệu; các sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ…*

- Nhận biết và phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật chính trong thơ trào phúng như: *phóng đai, ẩn dụ, giễu nhại, lối nói nghịch lý…*

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; hiểu mỗi người đọc có thể có cách tiếp cận riêng đối với một văn bản văn học.

- Nhận biết được sắc thái nghĩa của từ ngữ và vận dụng vào việc lựa chọn từ ngữ.

- Viết được bài phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.

- Biết thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất**

- Khoan dung với những sai sót của người khác.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức trò chơi: đoán ý đồng đội

+ Luật chơi: Có hai gói câu hỏi gồm các từ khóa liên quan đến các kiến thức về thơ đã học. Hai đội tham gia trò chơi, mỗi đội gồm hai thành viên, một thành viên gợi ý và một thành viên đoán các từ khóa. Trong quá trình gợi ý, không được phép sử dụng các từ có trong gói từ khóa. Mỗi đội có thời gian là 60 giây để vừa gợi ý vừa trả lời. Đội nào đoán được nhiều từ khóa hơn sẽ chiến thắng.

+ Gói từ khóa 1: vần, nhịp, hình ảnh thơ

+ Gói từ khóa 2: Thơ 7 chữ, thơ thất ngôn bát cú, thơ thất ngôn tứ tuyệt

- HS tiếp nhận nhiệm vụ và tham gia luật chơi.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài mới.

Qua trò chơi vừa rồi chúng ta đã hình dung lại những đơn vị kiến thức về thơ bảy chữ, thơ thất ngôn tứ tuyết, thất ngôn bát cú Đường luật mà chúng ta đã được học trong chương trình Ngữ văn 8 HKI. Nối tiếp chủ đề về thơ, trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu tri thức về thơ thất ngôn bát cú, thất ngôn tứ tuyệt đường luật và thể loại thơ trào phúng qua chủ điểm: Cười mình, cười người.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung của bài học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV giới thiệu:** Bài học gồm hai nội dung: khái quát chủ đề và nêu thể loại các văn bản đọc chính. Với chủ đề Cánh cửa mở ra thế giới, bài học tập trung vào một số vấn đề thiết thực, có ý nghĩa quan trọng về sựu trung thực trong cuộc sống.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  → Ghi lên bảng |  |

**Hoạt động 2: Khám phá Tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận diện và phân tích được đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim đã xem; mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.

- Xác định và phân tích được thông tin cơ bản, vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK  Nhóm 1,2:  *+ Tìm hiểu về thể thơ, cách gieo vần và ngắt nhịp, mạch cảm xúc của bài thơ…*  *HS theo dõi lên bảng và*   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm của thơ thất ngôn** | **Trả lời** | | Số câu, số chữ: |  | | Gieo vần: |  | | Ngắt nhịp: |  | | Chữ viết: |  | | Giọng điệu: |  | | Niêm, đối: |  |   Nhóm 3,4:  *+ Tìm hiểu về theo trào phúng*  *+ Tìm hiểu về thủ pháp trào phúng*  *+ Tìm hiểu về sắc thái của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ.*   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm thơ trào phúng** | **Trả lời** | | Khái niệm |  | | Thủ pháp nghệ thuật |  | | Sử dụng nghĩa của từ ngữ |  | | Tiếng cười trào phúng |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **I. Tri thức Ngữ văn**  **1. Thơ trào phúng**  - Thơ trào phúng là một bộ phận của văn học trào phúng, trong đó các tác giả tạo ra tiếng cười và sử dụng tiếng cười để châm biếm, phê phán xã hội hoặc tự phê bình bản thân. Tiếng cười trong thơ trào phúng có nhiều cung bậc: hài hước, châm biếm, đả kích nhưng không phải bao giờ cũng rạch ròi mà chuyển hoá linh hoạt từ cung bậc này sang cung bậc khác. Các bài thơ trào phúng có thể được viết bằng những thể thơ khác nhau: thơ cách luật (tử tuyệt, thất ngôn bát cú...) và thơ tự do.  - Thủ pháp trào phúng: Tiếng cười trong thơ trào phúng thường được tạo ra bằng các thủ pháp: phóng đại, ẩn dụ, giễu nhại, lối nói nghịch lí...  Ví dụ: Trần Tế Xương đã sử dụng thủ pháp nói giễu để miêu tả quang cảnh khoa thi Hương năm Đinh Dậu như sau:  *Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ,*  *Ậm oẹ quan trường miệng thét loa.*  *Lọng cắm rợp trời quan sứ đến,*  *Vảy là quét đất mụ đầm ra.*  (Trần Tế Xương, Vịnh khoa thi Hương)  **2. Sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ**  - Sắc thái nghĩa là phần nghĩa bổ sung bên cạnh phần nghĩa cơ bản của từ ngữ. Sắc thái nghĩa biểu thị tình cảm, thái độ, đánh giá, nhận định... của người nói, người viết, chẳng hạn như sắc thái trang trọng, thân mật, coi khinh...  Ví dụ: Mặc dù cùng có chung phần nghĩa cơ bản (đều dùng để chỉ người) nhưng hai từ vị (vị đại biểu, vị khách...) và tên (tên cướp, tên trộm...) lại có sắc thái nghĩa rất khác nhau. Nếu vị thể hiện thái độ kính trọng thì tên lại tỏ thái độ coi khinh.  - Khi lựa chọn từ ngữ, ngoài việc quan tâm đến phần nghĩa cơ bản, chúng ta cần phải quan tâm đến sắc thái nghĩa của từ. Bởi vì nếu không lựa chọn được từ ngữ với sắc thái nghĩa phù hợp, chúng ta sẽ không thể diễn tả chính xác thái độ, tình cảm, nhận định... của mình đối với sự việc được đề cập trong câu hoặc đối với người nghe, người đọc. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS:*Vẽ sơ đồ tư duy trình bày phần tri thức Ngữ văn vừa được học.*

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS: Ôn tập kiến thức lý thuyết đã được học.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC***(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm, v.v…)*

**Bạn đến chơi nhà**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

* Xác định được thể thơ và cách gieo vần trong bài thơ.
* Xác định được bố cục và chỉ ra các nét độc đáo về mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo trong bài thơ.
* Nhận biết và phân tích được nhan đề và vai trò của nhan đề trong việc thể hiện chủ đề của bài thơ.
* Nhận biết và phân tích được các nét đặc sắc về nghệ thuật được tác giả sử dụng trong bài thơ Nôm Đường luật.
* Hiểu được tình cảm đậm đà thắm thiết của tác giả Nguyễn Khuyến với bạn qua thể thơ Nôm Đường luật thất ngôn bát cú.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản*.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

* Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Trân trọng, nâng niu tình bạn đẹp, chân thành.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV yêu cầu HS**: Chia sẻ với các bạn một bài thơ hoặc câu ca dao về tình bạn mà em biết?

- HS trả lời: “*Bạn bè là nghĩa tương tri / Sao cho sau trước một bề mới yên*” hoặc *“Bạn về có nhớ ta chăng / Ta về nhớ bạn như trăng nhớ trời”*

- GV hỏi: Một người bạn lâu ngày gặp lại đến nhà chơi thì em sẽ tiếp đón bạn như thế nào?

- HS chia sẻ

- GV tiếp ý: Ai đã từng đón bạn đến chơi bất chợt vào lúc nhà không có sẵn một thức gì để đãi bạn thì hẳn là rất bối rối. Nhà thơ Trung Quốc Đỗ Phủ vào lúc ông sống ở ngoại thành Thành Đô bên bờ suối Cán Khê, lúc này ông già yếu lắm, bỗng có khách quý đến chơi nhà mà nhà không có gì, trong bài thơ Khách đến, ông đã mời khách ngắm hoa:

*“Không hiềm đồng nội không thức nhắm*

*Thừa hứng xin mời ngắm khóm hoa”*

*Hoặc trong bài thơ khác lại viết:*

*“Cơm nước chợ xa không đủ món*

*Rượu mời nhà ngặt chỉ thứ ôi.*

*Nếu chịu uống cùng ông hàng xóm,*

*Cách rào xin gọi cạn chén vui”*

Còn trong thơ ca Việt Nam ta bắt gặp tình bạn đẹp của Nhà thơ Nguyễn Khuyến với bạn cũng tiếp đãi bạn hết sức giản dị, mộc mạc, nơi thôn dã. Tiết học hôm nay chúng ta cùng nhau tìm hiểu văn bản 1: Bạn đến chơi nhà của nhà thơ Nguyễn Khuyến.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Giới thiệu được một số nét khái quát về tác giả, xuất xứ, thể loại của tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ, hoạt động cặp đôi.  + *Trình bày hiểu biết của em về tác giả Nguyễn Khuyến.*  + *Tìm hiểu chung về bài thơ “Bạn đến chơi nhà” thông qua PHT sau:*   |  |  | | --- | --- | | **Đặc trưng thể loại thơ** | | | Thế thơ |  | | Ngắt nhịp |  | | Gieo vần |  | | Nhan đề |  | | Cảm xúc chủ đạo: |  | | Đối, niêm: |  |  * HS nhận nhiệm vụ   **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Nguyễn Khuyến (1835 – 1909)  - Quê quán: Bình Lục – Hà Nam - Là người thông minh, học giỏi, đỗ đầu ba kỳ thi” Hương, Hội, Đình. →Tam Nguyên Yên Đổ  = > Nguyễn Khuyến là nhà thơ lớn của dân tộc.  **2. Tác phẩm**  **a. Đọc**  **b. Tìm hiểu chú thích**  - Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật  Cách ngắt nhịp: 4/3, 2/2/3 riêng câu thứ 8: 4/1/2  - Gieo vần: vần chân (cuối câu 1,2,4,6,8)  - Nhan đề: Bạn đến chơi nhà  - Đối: câu 3 và 4, 5 và 6 đối với nhau  - Niêm: Câu 1 và 8, 2 và 3, 4 và 5, 6 và 7 niêm với nhau (Tiếng thứ 2 giống nhau về luật B hoặc T)  - Cảm xúc chủ đạo: Ca ngợi tình bạn thiết tha chân thành |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

1. **Mục tiêu:**

* Xác định được thể thơ và cách gieo vần trong bài thơ.
* Xác định được bố cục và chỉ ra các nét độc đáo về mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo trong bài thơ.
* Nhận biết và phân tích được nhan đề và vai trò của nhan đề trong việc thể hiện chủ đề của bài thơ.
* Nhận biết và phân tích được các nét đặc sắc về nghệ thuật được tác giả sử dụng trong bài thơ Nôm Đường luật.
* Hiểu được tình cảm đậm đà thắm thiết của tác giả Nguyễn Khuyến với bạn qua thể thơ Nôm Đường luật thất ngôn bát cú.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  *+ Em hãy nhắc lại các yếu tổ thể hiện đặc trưng của thơ trào phúng được thể hiện trong bài thơ.*  *+ Bài thơ được chia làm mấy phần? nêu nội dung chính từng phần? Liệu có cách chia nào khác không? Từ đó em hãy chỉ ra mạch cảm xúc chủ đạo trong bài thơ?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **II. Tìm hiểu chung**  **1. Đặc trưng của thể loại thơ trào phúng trong bài thơ**  - Bố cục, mạch cảm xúc:  + Câu thơ đầu: Giới thiệu tình huống bạn đến chơi = > Niềm vui hồ hơi khi bạn đến chơi  + 6 câu tiếp: Hoàn cảnh tiếp đãi bạn = > Tiếng cười hóm hỉnh, đùa vui trước hoàn cảnh eo le  + Câu cuối: Quan niệm về tình bạn => Trân trọng, tình cảm sâu sắc của mình dành cho bạn  = > Tạo ra một kết cấu độc đáo, 1/6/1 phá bỏ ràng buộc về bố cục 2/2/2/2 của thể thơ  - Các hình ảnh, từ ngữ, đặc sắc:  - Cách xưng hô: *“bác”* thể hiện sự thân mật, gần gũi, tôn trọng.  - Liệt kê các từ ngữ: hình ảnh: trẻ đi vắng, chợ xa, ao sâu nước cả, vườn ruộng, cải chửa ra cây, cà mới nụ, bầu rụng rốn, mướp đương hoa, trầu không có.  - Thủ pháp trào phúng: Phóng đại, lối nói hóm hỉnh  - Tiếng cười trào phúng: tự trào (cười mình) một cách hóm hỉnh đùa vui.  => Tuy không có gì tiếp đãi bạn nhưng tác giả có một tình cảm chân thành, thân thiết. |
| **\* NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - Chia nhóm lớp  Gv đặt câu hỏi gợi dẫn để hướng dẫn HS hoàn thành PHT sau:  Nhóm 1,2:  *+ Đây là lời của ai dành cho ai?*  *+ Cách mở đầu bài thơ có gì thú vị?*  *+ Em có nhận xét gì về thời gian và cách xưng hô?*  *+ Cụm từ “đã bấy lâu nay” gợi lên cho em điều gì ?*  *+ Tác giả đã xưng hô với bạn như thế nào? Cách xưng hô có ý nghĩa gì?*  *+ Em hình dung cảm xúc của tác giả như thế nào?*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nội dung tìm hiểu** | **Từ ngữ, hình ảnh thơ** | **Nhận xét** | | Thời gian |  |  | | Cách xưng hô |  |  | | Cảm xúc của nhà thơ |  |  | | Nhận xét chung | | |   Nhóm 3,4:  *- Lẽ thường, khi bạn đến chơi, chủ nhà nghĩ đến việc thiết đãi bạn để tỏ tình thân thiện. Nhưng trong bài thơ này, hoàn cảnh của tác giả có gì khác nên ông không thể tiếp bạn theo lẽ thường? em hãy chỉ rõ bằng cách điền vào bảng sau:*  *+ Theo em tại sao sau lời chào đón bạn tác giả lại nhắc đến trẻ và chợ?*  *+ Theo em, mọi thức ăn trong gia đình có sẵn hay không?*  *+ Em hãy diễn tả cái điều “có đấy mà cũng như không” của các thứ thức ăn được kể và tả trong bài thơ này?*  *+ Từ đó lí giải vì sao tác giả cố tạo ra một tình huống đặc biệt như thế nhằm mục đích gì?*  *+ Nếu hiểu đây là hoàn cảnh thật thì qua cách nói đó, em hiểu chủ nhà là người như thế nào, và tình cảm của ông đối với bạn ra sao?*  *+ Nếu hiểu đây là cách nói cho vui về cái sự không có gì để đãi bạn thì em hiểu hoàn cảnh sống, tính cách, tình cảm của chủ nhà dành cho bạn ra sao?*  *+ Cái không được đấy tới tận cùng là “****trầu không có****” nghĩa là không có đến cả cái tối thiểu cho việc tiếp khách. Để nói thẳng, nói cho vui được như thế, em thấy chủ nhà phải là người như thế nào*  *+ Vậy tình bạn của họ ra sao?*  *+ Qua 6 câu thơ này, em nhận được cảm xúc gì của tác giả trong cách nói trên?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **2. Tình cảm chân thành, thiết tha của tác giả dành cho bạn**  **2.1 câu đầu: Giới thiệu tình huống bạn đến chơi nhà**  *“Đã bấy lâu nay, bác tới nhà”*  - Thời gian: đã bấy lâu nay →Thời gian rất lâu không gặp  - Cách xưng hô: Bác → thân mật, gần gũi, tôn trọng  🡪 Câu thơ bộc lộ sự hồ hởi, vui mừng khi bạn đến chơi nhà.  **2.2 Sáu câu thơ tiếp : Hoàn cảnh tiếp đãi bạn**  - Trẻ - đi vắng → không có người sai bảo  - Chợ - xa → không dễ mua thức ăn ngon đãi bạn  - Thịt cá:  + Cá: ao sâu, nước cả  + Gà: vườn rộng, rào thưa  ⇒ Không bắt được  - Rau quả:  + Cải: chửa ra cây  + Cà: mới nụ  + Bầu: vừa rụng rốn  + Mướp: đương hoa  ⇒ Không dùng được  - Lễ nghi tiếp khách: trầu → không có (nói quá)  = > Liệt kê theo giá trị giảm dần, có cũng như không, ngôn ngữ giản dị, tiếng cười tự trào hóm hỉnh.  => Tình bạn chân thành, cao đẹp vượt trên cả vật chất và mọi lễ nghi thông thường. |
| **\* NV3**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  + *Tìm hiểu khái quát nội dung và nghệ thuật cỉa bài thơ.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  **-** Sử dụng phá cách thể thơ Thất ngôn bát cú với lời thơ mộc mạc, giản dị, gần gũi.  - Sử dụng linh hoạt thủ pháp nghệ thuật trào phúng.  **2. Nội dung**  Qua tiếng cười tự trào, hóm hỉnh đùa vui tác giả đã bày tỏ sự trân trọng, yêu quý sâu sắc của mình dành cho bạn |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV: Giao nhiệm vụ trong HS

* Trong cuộc sống hàng ngày, có người thân với bạn vì mục đích:

+ Nhà bạn có điều kiện nên sẽ giúp đỡ được mình nhiều về vật chất (bao mình ăn uống, mua đồ cho mình).

+ Bạn học giỏi nên giờ kiểm tra bạn sẽ cho mình chép bài.

+ Chơi vì hợp tính với bạn?

* Ý kiến của em như thế nào?

HS thảo luận nhóm đôi rồi trình bày suy nghĩ của mình.

Gv nhận xét, đánh giá.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đưa yêu cầu:*HS thực hiện hoạt động CHECKIN CẢM XÚC*

*+ Hãy viết những điều em muốn nói với bạn của mình (Cảm ơn, xin lỗi…) vào giấy để chia sẻ với lớp lên cây yêu thương.*

*+ Nêu biểu hiện của một tình bạn đẹp.*

- HS nhận nhiệm vụ

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Đề đền Sầm Nghi Đống**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

* Xác định được thể thơ và cách gieo vần trong bài thơ.
* Xác định được bố cục và chỉ ra các nét độc đáo về mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo trong bài thơ.
* Nhận biết và phân tích được nhan đề và vai trò của nhan đề trong việc thể hiện chủ đề của bài thơ.
* Nhận biết và phân tích được các nét đặc sắc về nghệ thuật được tác giả sử dụng trong bài thơ Nôm Đường luật.

- Hiểu được thái độ chế giễu, khinh bỉ của Bà Chúa Thơ Nôm Hồ Xuân Hương với tên Thái Tú Sầm Nghi Đống.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản*.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

* Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp:

+ Trung thực khi tham gia các hoạt động.

+ Trách nhiệm bản thân với gia đình, quê hương.

+ Nhân ái có thái độ yêu mến, trân trọng nền văn học Việt Nam, trong đó có thơ trào phúng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi

Em hiểu nghĩa từ “Đền” như thế nào? Em đã học hoặc đã đọc những bài thơ nào tôn thờ đền, chùa? Vậy “Đề đền Sầm Nghi Đống” có ý nghĩa như thế nào?

- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân.

(Sử dụng Bài thơ Lễ hội Đền Hùng - Tác giả: Phạm Tân Dân)

*Núi Nghĩa Lĩnh linh thiêng đất Việt*

*Ngàn ngàn năm rực rỡ mây rồng*

*Đỉnh cao đệ nhất thờ Quốc Phụ*

*Chung Mẫu dân Nam ánh lửa nồng*

*Lời hứa sắt son hồn đất nước*

*Xây nền độc lập vững non sông*

*Tộc truyền kiệt tác danh muôn thuở*

*Giếng Ngọc bốn mùa nước lặng trong*

*Lễ Hội Đền Hùng dân khí vượng*

*Bánh chưng dày tích sáng đàng Đông*

*Hát xoan tưới mát khai dân trí*

*Nhất hậu dân sinh cháu Lạc Hồng.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của tiết đọc – hiểu văn bản.

**c. Sản phẩm học tập:**- HS chia sẻ những hiểu biết của bản thân về Đèo Ngang.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV 1.**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: HS hoàn thành PHT số 1:  *+ Trình bày hiểu biết của em về tác giả Hồ Xuân Hương.*  *+ Tìm hiểu chung về bài thơ “Đề đền Sầm Nghi Đống” thông qua PHT sau:*  ***Phiếu học tập số 1***   |  |  | | --- | --- | | **Đặc trưng thể loại thơ** | | | Thế thơ |  | | Nhịp thơ |  | | Gieo vần |  | | Nhan đề |  | | Cảm xúc chủ đạo |  | | Đối, niêm |  |   - HS nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Hồ Xuân Hương (?-?)  - Sống khoảng cuối thế kỷ XVIII – đầu thế kỷ XIX  - Quê quán: Quỳnh Đôi – Quỳnh Lưu – Nghệ An.  - Là người nổi tiếng với những sáng tác thơ bằng chữ Nôm. Tổng cộng 50 bài.  - Chủ đề: Bênh vực, đề cao phụ nữ và để kích thói đạo đức giả của quan lại vua chúa.  = > Được ví là Bà chúa thơ Nôm.  **2. Tác phẩm**  **a. Đọc**  **b. Tìm hiểu chú thích**  - Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật  - Nhịp thơ: 4/3, 2/2/3 riêng câu thứ 2: 1/3/3  - Gieo vần: vần chân (cuối câu 1,2,4)  - Nhan đề: Đề đền Sầm Nghi Đống  - Đối: câu 3 và 4, 5 và 6 đối với nhau  - Niêm: Câu 1 và 4, 2 và 3 niêm với nhau (Tiếng thứ 2 giống nhau về luật B hoặc T)  - Cảm xúc chủ đạo: Phê phán, chễ giễu, thiếu tôn trọng đối với tên giặc bại trận dưới tay của vua Quang Trung – Nguyễn Huệ.  Chủ đề bài thơ: Thông qua thái độ bất kính, coi thường Sầm Nghi Đống, HXH thể hiện khát vọng bình đẳng nam – nữ muốn lập lên công danh sự nghiệp vẻ vang cho người phụ nữ của HXH. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Đặc trưng của thể loại thơ trào phúng

- Nhận biết các thủ pháp nghệ thuật trào phúng và tác dụng của nó, tiếng cười trào phúng.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo, mạch cảm xúc của tác giả thể hiện trong bài thơ.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   * GV đặt câu hỏi gợi dẫn cho HS để hoàn thành PHT số 2.   *+ Em hãy nhắc lại các yếu tổ thể hiện đặc trưng của thơ trào phúng được thể hiện trong bài thơ.*  *+ Bài thơ được chia làm mấy phần? nêu nội dung chính từng phần? Liệu có cách chia nào khác không? Từ đó em hãy chỉ ra mạch cảm xúc chủ đạo trong bài thơ?*  *+ Tìm những từ ngữ, hình ảnh, thể hiện thái độ của tác giả khi đến đền Sầm Nghi Đống. Đó là thái độ gì? Dựa vào cước chú lý giải nguyên nhân này?*  *+ Trong bài thơ, tác giả cười ai, cười về điều gì? Nêu tác dụng của những thử pháp nghệ thuật đã tạo nên tiếng cười trong bài thơ?*  ***Phiếu học tập số 2***   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm thơ trào phúng** | **Trả lời** | | Mạch cảm xúc |  | | Sử dụng nghĩa của từ ngữ |  | | Thủ pháp trào phúng |  | | Tiếng cười trào phúng |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **\* NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   * GV đặt câu hỏi gợi dẫn cho HS để hoàn thành PHT số 3.   *Trong 2 câu thơ đầu:*  *+ Tác giả đã có thái độ như thế nào đối với đền thái thú?*  *+ Tìm từ ngữ, hình ảnh thể hiện điều đó? Nêu tác dụng của BPTT đó?*  *+ Cách gieo vần trong câu thơ thứ 2 có điều gì đặc biệt?*  *Hai câu thơ đầu thể hiện suy nghĩ của bà như thế nào về tên SNĐ?*  *Trong hai câu thơ cuối: Em có nhận xét gì về cách sử dụng từ đây trong câu thơ thứ ba? Từ đây được dùng ở ngôi thứ mấy? Có ý nghĩa như thế nào?*  *+ Tác giả đã nêu ra giả định gì trong hai câu thơ cuối? Những từ ngữ nào nói lên giả định của tác giả? Đó là giả định gì? Đặt trong bối cảnh XHPK, với thân phận là phụ nữ, lời giả định đó góp phần bộc lộ điều gì về nhà thơ?*  *+ Thủ pháp nghệ thuật được sử dụng trong 2 câu thơ này là gì? Từ ngữ, hình ảnh nào thể hiện điều đó?*  *+ Theo em tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì qua 2 câu thơ cuối này?*  *+ Qua đó em đánh giá như thế nào thái độ của tác giả với tên thái thú Sầm Nghi Đống?*  ***Phiếu học tập số 3***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nội dung thể hiện** | **Từ ngữ/hình ảnh thơ** | **Nhận xét** | | Hai câu thơ đầu |  |  | | Hai câu thơ cuối |  |  | | Thái độ của tác giả |  |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Đặc trưng của thể loại thơ trào phúng trong bài thơ**  - Bố cục, mạch cảm xúc  + Hai câu thơ đầu: Thái độ của nhà thơ khi ghé thăm đền thờ Sầm Nghi Đống → Chế giễu, dè bỉu, coi thường  + Hai câu cuối: Khẳng định vai trò của người phụ nữ → Thể hiện sự tự hào, và một khát vọng được bình đẳng, khát vọng lập nên sự nghiệp anh hùng vẻ vang của một người phụ nữ.  - Các hình ảnh, từ ngữ, đặc sắc: ghé mắt, kìa, đứng cheo leo. Cách xưng hô: Đây: Thể hiện sự tự tôn, ý thức về giá trị bản thân.  - Thủ pháp trào phúng: Cách nói giễu nhại để gây ra tạo ra tiếng cười.  - Tiếng cười trào phúng: (cười người): Thái độ xem thường, giễu cợt, mỉa mai đối với Sầm Nghi Đống, đồng thời bộ lộ cá tính, bản lính khát vọng muốn thai đổi thân phận, lập nên sự nghiệp lẫy lừng vẻ vang cho phận nữ nhi của Hồ Xuân Hương.  **2. Thái độ của tác giả**  **2.1 Hai câu thơ đầu: Thái độ của nhà thơ khi ghé thăm đền thờ Sầm Nghi Đống**  - Từ ngữ, hình ảnh: ghé mắt, kìa, đứng cheo leo 🡪 động từ, đại từ, từ láy gợi hình.  Thái độ: Ngạo mạn, nhìn nghiêng-liếc qua, tay chỏ  - Ngắt nhịp: 1/3/3 + “kìa”: Thái độ ngạc nhiên  - Hình tượng đền độc đáo: hiện lên sự thảm hại của tên tên bại trận dưới con mắt nữ sĩ họ Hồ.  🡪 Thái độ giễu cợt, coi thường, dẻ bỉu tên tướng bại trận Sầm Nghi Đống.  **2.2 Hai câu cuối: Khẳng định vai trò của người phụ nữ**  - Cách xưng hô: “Đây” Ngang hàng với đấy – Sầm Nghi Đống 🡪 Ý thức rõ về giá trị của mình, thái độ mỉa mai, xem thường tên tướng giặc.  - Từ ngữ hình ảnh thơ đặc sắc: “Đổi phận làm trai được”, “há bấy nhiêu”: Lời khẳng định, tuyên bố tài năng của người phụ nữ không hề thua kém đấng nam nhi.  🡪 Âm hưởng bài thơ là khát vọng lập nên sự nghiệp anh hùng vẻ vang của một người phụ nữ. Thái độ *“bất kính”* của bà là một thách thức đối với ý thức trọng nam khinh nữ, thách thức với các “sự nghiệp anh hùng” của nam nhi, thách thức đối với thần linh. |
| **\* NV3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản trên.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt đã được Việt hoá cao độ từ giọng điệu, ngôn từ đến ý thơ. Cách nhìn, cách tả, cách so sánh và suy nghĩ cho thấy một lối nói trào phúng, sắc nhọn. Bài thơ đa nghĩa, hóm hỉnh, sâu sắc.  **2. Nội dung**  - Khẳng định tài năng của người phụ nữ.  - Đả kích đền 1 vị thần xâm lược bại trận-bất tài vô dụng. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi:

GV: Tổ chức trò chơi “Hỏi xoáy đáp nhanh”

HS suy nghĩ trả lời

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Yêu cầu** | **Giải thích** |
| ***1*** | Em hình dung thấy điều gì khi đọc bài thơ này? | - Ngôi đền tầm thường, một cái nhìn bằng nửa con mắt, khinh rẻ. |
| Xác định cách gieo vần và ngắt nhịp của bài thơ? Em có nhận xét gì về cách gieo vần và ngát ngắt nhịp ấy? | - Vần chân, nhịp, ngôn từ và giọng điệu thơ bỡn cợt, khinh thị, sắc nhọn. |
| ***2*** | - Tìm và nêu tác dụng những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ thể hiện tâm trạng bà HXH về Thái thú Điền Châu Sầm Nghi Đống? | - Ghé, trông ngang, thấy, kìa, đứng cheo leo: miệt khinh, biểu cảm ngạc nhiên  - “Đây” là đại từ nhân xưng – xấc xược, rất coi thường.  - Câu thơ thứ 4: câu hỏi tu từ- giễu cợt, hài hước nhân lên 10 lần |
| ***3*** | Theo em tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì qua bài thơ trên? | mang một hàm nghĩa sâu xa… Bà đã chế giễu nhân cách tầm thường, cách xử sự tầm thường của những kẻ mày râu, những “trang nam nhi”, “bậc quân tử” bất tài, vô hạnh trong xã hội. |
| ***4*** | Hãy viết một đoạn văn ngắn để bày tỏ suy nghĩ của em về nghệ thuật trào phúng được sử dung trong thơ TNBCĐL? | Cá nhân thực hành viết |

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS*: HS viết đoạn văn trình bày cảm nhận về nhân vật Thái thú Điền Châu Sầm Nghi Đống.*

- HS nhận nhiệm vụ

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Hiểu rõ bản thân**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Những hiểu biết sơ lược về tác giả và tác phẩm.

- Nội dung bao quát của văn bản, các chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhân vật trong tính chỉnh thể của văn bản.

- Liên hệ kết nối với văn bản “Bạn đến chơi nhà”, “Đề đền Sầm Nghi Đống” để hiểu hơn về chủ điểm “Cười người, cười mình”.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Tiết học góp phần bồi dưỡng phẩm chất trách nhiệm: có trách nhiệm với bản thân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV trình chiếu video “Tìm mình giữa dòng người”

GV đặt ra câu hỏi: Em hãy lắng nghe đoạn video sau và cho biết, tại sao nhân vật “tôi” lại cảm thấy hoang mang, bế tắc?

<https://youtu.be/2dV87W4icSE>

\* Thực hiện nhiệm vụ:

-HS lắng nghe và trả lời cá nhân câu hỏi.

\* Báo cáo, thảo luận: 2,3 HS trình bày suy nghĩ, cảm nhận của mình.

\* Kết luận, nhận định.

GV góp ý câu trả lời của HS, khuyến khích HS mạnh dạn bộc lộ suy nghĩ của bản thân.

Ví dụ:

- Vì nhân vật “tôi” không biết mình là ai, mình muốn gì, cần gì...

GV định hướng: Những điều các em vừa trình bày chính là những vấn đề của nhân vật “tôi” cũng như tất cả chúng ta muốn tìm hiểu:

"Tại sao mình thấy mệt mỏi đến vậy? Tại sao những việc này luôn lặp lại với mình? Mình cảm thấy bế tắc, thấy cuộc sống giống như một vòng tuần hoàn không lối thoát. Ấy là vì, chúng ta chưa hiểu được bản thân mình.

Vậy hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu văn bản đọc kết nối chủ điểm: “Hiểu rõ bản thân” của tác giả Thomas Armstrong để hiểu hơn về bản thân mình.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kĩ năng đọc đã học ở những bài trước như dự đoán, suy luận trong quá trình đọc trực tiếp văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao yêu cầu cho học sinh:  *+ Trình bày hiểu biết của em về tác giả Thomas*  *+ Em hãy giới thiệu vài nét về tác phẩm “Bạn thông minh hơn bạn nghĩ”*  - HS nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận cặp đôi để trả lời câu hỏi; ghi kết quả vào Phiếu học tập số 1.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**   * GV mời hai nhóm trả lời câu hỏi. * GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, chốt ý. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả:**  - Thomas Armstrong sinh ngày (1899- 1978) tại Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ireland.  - Ông là tác giả của 15 đầu sách tập trung vào học thuyết thông minh, đa dạng thần kinh, các học thuyết và phương pháp giáo dục dựa trên học thuyết về thông minh để giúp học sinh có thể khám phá ra khả năng tiềm ẩn của bản thân.  **2. Tác phẩm**:  - *Bạn thông minh hơn bạn nghĩ* viết về thuyết thông minh, đa dạng thần kinh…sẽ giúp bạn khám phá ra khả năng tiềm ẩn của bản thân phát triển những loại hình thông minh khác nhau. Sách của tiến sĩ Armstrong đã được phiên dịch ra hơn 80 ấn bản bằng 26 ngôn ngữ khác nhau. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Những hiểu biết sơ lược về tác giả và tác phẩm.

- Nội dung bao quát của văn bản, các chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhân vật trong tính chỉnh thể của văn bản.

- Liên hệ kết nối với văn bản “Bạn đến chơi nhà”, “Đề đền Sầm Nghi Đống” để hiểu hơn về chủ điểm “Cười người, cười mình”.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV 1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - Chia lớp thành 4 nhóm thảo luận, hoàn thành PHT sau:  **PHIẾU BÀI TẬP 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Nội dung**  **câu hỏi** | **Câu trả lời của em** | | 1 | Tác giả quan niệm như thế nào về “quá trình hiểu rõ bản thân”? |  | | 2 | Liệt kê một số câu hỏi dùng để tự đánh giá bản thân mà em yêu thích trong văn bản. |  | | 3 | Em có đồng tình với lời khuyên của tác giả: “Tuy nhiên, đừng trả lời câu hỏi một lần rồi bỏ quên chúng. Hãy đặt ra các câu hỏi giống nhau tại những thời điểm khác nhau của cuộc sống- một tháng, sáu tháng tính từ thời điểm hiện tại, hay thời điểm bắt đầu năm học mới”?. Hãy lí giải câu trả lời của em. |  | | 4 | Chỉ khi nhận thức rõ về bản thân, chúng ta mới có thể “cười mình”. Theo em, ngoài việc tự trả lời những câu hỏi như văn bản gợi ý, chúng ta có thể làm gì để hiểu bản thân rõ hơn? |  |   - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Quan niệm của tác giả về “quá trình hiểu rõ bản thân”.**  Theo tác giả, “quá trình hiểu rõ bản thân” cũng giống như việc khám phá mình là ai, mình yêu hay ghét điều gì, cảm nhận cuộc sống như thế nào, tin và ủng hộ điều gì và mình có thể làm gì cho thế giới này.   1. **Một số câu hỏi dùng để tự đánh giá bản thân.**   - Năng khiếu nổi bật nhất của bạn là gì?  - Hi vọng và ước mơ của bạn là gì?  - Điều gì làm bạn hạnh phúc?  - Bạn thật sự muốn học điều gì?  - Mục tiêu hiện tại của bạn là gì?  - Mục tiêu tương lai của bạn là gì?  -Bạn đã học được những gì từ trải nghiệm của bản thân?  - Hiện tại bạn cảm thấy như thế nào? Tại sao lại như vậy?  **3. Ý kiến về lời khuyên của tác giả**  - Lời khuyên: “Tuy nhiên đừng trả lời câu hỏi một lần rồi bỏ quên chúng. Hãy đặt ra những câu hỏi giống nhau tại những thời điểm khác nhau của cuộc sống- một tháng, sáu tháng tính từ thời điểm hiện tại, hay thời điểm bắt đầu năm học mới”  - Ý kiến: Đồng tình với lời khuyên của tác giả.  Vì: Ở những thời điểm khác nhau câu trả lời cho những câu hỏi đó sẽ được mở rộng và nâng cao hơn, sẽ được trả lời cụ thể, rõ ràng hơn và cũng có thể có sự thay đổi. Chúng ta ngày càng trưởng thành hơn, nhận thức của chúng ta về bản thân cũng đầy đủ, sâu sắc hơn. Và vì khám phá bản thân là một quá trình chứ không phải là một câu trả lời ở một thời điểm nhất định.  **4. Thông điệp của văn bản**  Thông điệp:  - Chỉ khi nhận thức rõ về bản thân chúng ta mới có thể cười mình. Và khi chúng ta chưa hiểu rõ về bản thân mình thì đừng vội cười người bởi:  *“Cười người chớ vội cười lâu*  *Cười người hôm trước, hôm sau người cười”*  Theo em, ngoài việc tự trả lời các câu hỏi như văn bản gợi ý em có thể tham gia các hoạt động trải nghiệm để hiểu bản thân hơn  Liên hệ với các văn bản 1,2 trong chủ điểm: Cười mình, cười người  - Tiếng cười “tự trào” hóm hỉnh trong “Bạn đến chơi nhà” của Nguyễn Khuyến: Tác giả hiểu rõ hoàn cảnh của mình và bằng lối nói dí dỏm, hóm hỉnh, nhà mình thức gì cũng có nhưng lại chẳng có gì để đãi bạn cho thấy tình bạn chân thành, cao đẹp vượt trên cả vật chất và mọi lễ nghi thông thường, từ đó khẳng định tình bạn sâu sắc trân quý của nhà thơ.  - Tiếng cười trào phúng, giễu nhại trong “Đề đền Sầm Nghi Đống” của Hồ Xuân Hương. Bà đã thể hiện thái độ chế giễu, khinh bỉ đối với tên Thái thú Sầm Nghi Đống- một tên tướng bại trận và thể hiện sự tự ý thức về giá trị bản thân với khát vọng bình đẳng nam – nữ muốn lập lên công danh sự nghiệp vẻ vang. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập.

1. Kể ra một số biểu hiện của người chưa hiểu rõ bản thân

2. Kể tên một số bài thơ trào phúng mà em biết?

3. Theo em, hiểu rõ bản thân có ý nghĩa như thế nào?

\*Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe và trả lời cá nhân câu hỏi.

\* Báo cáo, thảo luận

- Học sinh trả lời.

- HS khác nhận xét trên cơ sở tôn trọng suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc của bạn.

\* Kết luận, nhận định.

GV nhận xét phần trả lời của học sinh và tôn trọng suy nghĩ của học sinh. GV khuyến khích học sinh bộc lộ suy nghĩ của mình.

Dự kiến sản phẩm:

1. Một số biểu hiện của người chưa hiểu rõ bản thân:

- Không biết mình muốn gì, cần gì.

- Không hiểu những việc làm của mình.

- Tin những điều mà người khác nói về mình.

- Khó khăn khi phải đưa ra quyết định, chọn lựa.

- Không có ước mơ, không có mục tiêu rõ ràng.

1. Một số bài thơ trào phúng:

VD: *Ngất ngưởng - Tác giả Nguyễn Công Trứ*

*Khóc Tổng Cóc - Tác giả Hồ Xuân Hương*

*Năm mới chúc nhau - Tác giả Tú Xương*

1. Theo em, thấu hiểu bản thân giúp mỗi người xác định được rõ sở trường, năng lực, lí tưởng sống, mục tiêu, ước mơ…để định vị giá trị bản thân mình và để thành công.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi: *Trong những câu hỏi dùng để tự đánh giá bản thân mà tác giả đã nêu trong văn bản, em thích nhất câu hỏi nào?*

- HS nhận nhiệm vụ.

- GV nhận xét câu trả lời, nhắc nhở HS làm bài cẩn thận, nộp bài đúng thời gian.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Thực hành tiếng Việt trang 105**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết được khái niệm của sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ.

- Viết được đoạn văn hoặc bài văn có sử dụng sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Yêu mến và trân trọng vẻ đẹp và sự phong phú, linh hoạt, uyển chuyển trong cách cách sử dụng các kiểu câu trong Tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của HS:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV dùng bảng phụ hoặc máy chiếu, thể hiện 2 ví dụ, đặt câu hỏi:

*a. Chú mèo*

*b. Con hổ*

*? Tại sao cùng là con vật nhưng cách giọi khác nhau?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

- GV quan sát, hỗ trợ

B3. Báo cáo / Thảo luận

- HS thảo luận báo cáo kết quả;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

B4. Kết luận/ nhận định

- Từ câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm; câu khẳng đinh và câu phủ định.

- Viết được đoạn văn hoặc bài văn có sử dụng câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm; câu khẳng đinh và câu phủ định.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Trình bày khái niệm của* *sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ.*  *+ Khi sử dụng sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ cần chú ý điều gì?*  - HS nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  → Ghi lên bảng. | **\* Sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ**  - Sắc thái nghĩa là phần nghĩa bổ sung bên cạnh phần nghĩa cơ bản của từ ngữ. Sắc thái nghĩa biểu thị tình cảm, thái độ, đánh giá, nhận định... của người nói, người viết, chẳng hạn như sắc thái trang trọng, thân mật, coi khinh...  Ví dụ: Mặc dù cùng có chung phần nghĩa cơ bản (đều dùng để chỉ người) nhưng hai từ vị (vị đại biểu, vị khách...) và tên (tên cướp, tên trộm...) lại có sắc thái nghĩa rất khác nhau. Nếu vị thể hiện thái độ kính trọng thì tên lại tỏ thái độ coi khinh.  - Khi lựa chọn từ ngữ, ngoài việc quan tâm đến phần nghĩa cơ bản, chúng ta cần phải quan tâm đến sắc thái nghĩa của từ. Bởi vì nếu không lựa chọn được từ ngữ với sắc thái nghĩa phù hợp, chúng ta sẽ không thể diễn tả chính xác thái độ, tình cảm, nhận định... của mình đối với sự việc được đề cập trong câu hoặc đối với người nghe, người đọc. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  **Câu 1 (trang 105 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Nhận xét về sắc thái nghĩa của từ ngữ in đậm trong các trường hợp sau:  a. Có lúc **vểnh râu** vai phụ lão,  Cũng khi **lên mặt** dáng văn thân.  (Trần Tế Xương. Tự trào I)  b. Quả cau nho nhỏ, miếng trầu hôi,  Này của Xuân Hương đã **quệt** rồi.  (Hồ Xuân Hương. Mời trầu)  c. Ghế trẻo lọng xanh ngồi **bảnh chọe**      Nghĩ rằng đồ thật hóa đồ chơi.  (Nguyễn Khuyến, Tiến sĩ giấy)  **Câu 2 (trang 105 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Có thể thay từ “bác” bằng từ “bạn” trong câu thơ sau không? Vì sao?  *Đã bấy lâu nay bác tới nhà.*  (Nguyễn Khuyến, Bạn đến chơi nhà)  **Câu 3 (trang 105 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Cho câu thơ sau:  *Ghé mắt trông* ***ngang*** *thấy bảng treo,*  (Hồ Xuân Hương, Đề đền Sầm Nghi Đống)  Theo em, có thể thay từ “ngang” bằng từ “lên” không? Vì sao?  **Câu 4 (trang 105 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Thay thế từ “cheo leo” trong câu thơ sau bằng một hoặc một số từ có nghĩa tương tự. Từ đó, chỉ ra cái hay trong việc sử dụng từ ngữ của Hồ Xuân Hương.  *Kìa đền Thái thú đứng* ***cheo leo.***  (Hồ Xuân Hương. Đề đền Sầm Nghi Đống)  **Câu 5 (trang 106 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ sau và nêu tác dụng của biện pháp ấy:  *Sống lâu, lâu để làm gì nhỉ?*  *Lâu để mà xem cuộc chuyển vần*  (Trần Tế Xương, Tự hào I)  - HS nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  → Ghi lên bảng. | **II. Luyện tập**  **Câu 1 (trang 105 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  **Sắc thái nghĩa của từ ngữ:**  a. “Vểnh râu”: vốn là từ ngữ chỉ ý “nhàn nhã” với cảm xúc bông đùa hoặc chê trách  “Lên mặt”: vốn là từ ngữ xấu, nghĩa dùng chỉ ý “tỏ ra kiêu căng, coi thường người khác”. Trong ngữ cảnh bài thơ Tự trào I, những từ ngữ này được dùng để thể hiện cảm xúc “tự trào” (tự châm biếm, tự chế giễu mình) của Trần Tế Xương.  b. “Quệt”: thể hiện thái độ tự tin, mạnh mẽ và có phần bông đùa, giễu cợt của Hồ Xuân Hương khi mời trầu.  c. “Bảnh chọe”: thể hiện thái độ giễu cợt, coi khinh của Nguyễn Khuyến dành cho những “tiến sĩ giấy”.  **Câu 2 (trang 105 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  - “Bác” là từ mà những người bạn lớn tuổi dùng để gọi nhau với sắc thái vừa kính trọng vừa thân mật. Câu thơ thể hiện cách xưng hô giữa những người bạn đã có tuổi; thể hiện được tình cảm sâu sắc, chân thành mà Nguyễn Khuyến dành cho người bạn của mình. Nếu chúng ta thay từ “bác” bằng từ “bạn”, câu thơ sẽ không giữ được sắc thái nghĩa như ban đầu nữa.  **Câu 3 (trang 105 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  - Không thể thay từ “ngang” bằng từ “lên” vì “trông ngang” mới bộc lộ được thái độ coi thường, giễu cợt của Hồ Xuân Hương khi đến đền Sầm Nghi Đống. Bởi thông thường khi viếng đền, người ta có thái độ tôn kính đối với vị thần được thờ, nhưng Sầm Nghi Đống là tướng xâm lược bại trận nên không đáng được người đời dành cho thái độ đó. Mặt khác, đền đứng “cheo leo” (ở vị trí cao, chênh vênh) mà Hồ Xuân Hương cũng chỉ “trông ngang”, chứ không “trông lên” theo lẽ bình thường thì lại càng nhấn mạnh thái độ coi thường của bà.  **Câu 4 (trang 105 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  **-** Có thể thay thế từ “cheo leo” bằng từ “chênh vênh” vì cả hai từ đều có nghĩa cơ bản là “cao và không có chỗ bấu víu, gây cảm giác nguy hiểm, dễ bị rơi, ngã” nhưng từ “cheo leo” ngoài việc vần với từ “treo” theo luật của thơ tứ tuyệt thì còn gợi ra sắc thái giễu cợt rõ ràng hơn: đền có thể đứng không uy nghi, không vững vàng, lại heo hút. Có lẽ, thế đứng này được gợi ra từ vị thế và cái chết đáng xấu hổ của người được thờ trong đền.  **Câu 5 (trang 106 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  **-** Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu này là câu hỏi tu từ. Tác giả hỏi để tự cười cho cái vô tích sự của mình. Hỏi không phải để trả lời mà giễu mình, giễu đời. Câu hỏi tu từ này có dụng ý nhấn mạnh sự chua xót của tác giả về thân phận, đồng thời gián tiếp phê phán sự nhiễu nhương của xã hội thực dân nửa phong kiến đương thời. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức trò chơi “Chim cánh cụt học bài”

**Câu 1:** *Điền từ thích hợp vào chỗ trống: "Anh ấy có một thân hình ....”*

A. Khổng lồ

B. To lớn

**Câu 2.** Tại sao không thể thay thế các từ in đậm cho nhau trong hai ví dụ:

a. Nó cao lắm.

b. Nó lêu nghêu

**Câu 3:**Điền từ thích hợp vào chỗ trống: "*Con mời ba mẹ ... cơm ạ !”*

A. Ăn

B. Chén

**Câu 4.** Phân biết sắc thái nghĩa của từ “Chậm rãi” và “chậm chạp”

- GV chốt kiến thức.

Tham khảo đáp án:

1. B

2. Sắc thái nghĩa khác nhau

- Cao: sắc thái bình thường

- Lêu nghêu: sắc thái chê bai

3. B

4. **chậm rãi** chỉ mang sắc thái tích cực còn **chậm chạp** mang sắc thái tiêu cực.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC***(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm, v.v…)*

**Tự trào I**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

* Xác định được thể thơ và cách gieo vần trong bài thơ.
* Nhận biết và phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật trào phúng trong bài.
* Nhận biết và phân tích được chủ đề, thông điệp mà văn bản gửi đến người được
* Nhận biết và phân tích được các nét đặc sắc về nghệ thuật được tác giả sử dụng trong bài thơ Nôm Đường luật.
* Hiểu được thái độ tự giễu, sự bất lực trước hoàn cảnh của tác giả trong bài thơ. Qua đó hiểu được tâm sự và thông điệp mà tác giả gửi đến.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

* Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Trân trọng, nâng niu tình bạn đẹp, chân thành.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV tổ chức trò chơi Ai nhanh hơn? để tìm hiểu các thông tin liên quan đến tác giả Trần Tế Xương?

- Phổ biến luật chơi:Trong thời gian 3 phút, bạn nào trả lời đúng nhiều câu nhất thì sẽ là người thắng cuộc.

Câu 1: Địa danh nào sau đây là quê hương của Trần tế Xương?

A Làng Phù Thị -Huyện Gia Lâm – Hà Nội

B Làng Yên Đổ - huyện Bình Lực – Hà Nam

C làng Vị Xuyên – Mỹ Lộc – Nam Định

D Làng Uy Viễn – Nghi Xuân – Hà Tĩnh

Đáp án C

Câu 2: Năm sinh năm mất của nhà thơ là?

A 1870 – 1907

B 1724 – 1791

C 1835 – 1909

D 1778 – 1858

Đáp án A

Câu 3: tên gọi khác của Trần Tế Xương là gì?

A Tế Xương

B Tú Xương

C Tú Mỡ

D: Tố Hữu

Đáp án B

Câu 4: Đáp án nào nói đúng về cuộc đời Tú Xương?

A: Cuộc đời, tình duyên nhiều éo le, ngang trái

B: Ngắn ngủi nhiều gian truân

C Dạy học và sống thanh bạch ở quê nhà

D Tất cả các đáp án trên

Đáp án B

Câu 5: Điểm khác biệt giữa Tú Xương và các nhà thơ khác đương thời là:

A Trần Tế Xương dành hẳn một đề tài để viết về nguời vợ đảm đang của mình bao gồm cả thơ, văn tế, câu đối.

B Trần Tế Xương sáng tác chủ yếu là thơ Nôm, ngoài ra còn phú, văn tế, câu đối.

C Trần Tế Xương sáng tác nhiều thể loại thơ khác nhau như thất ngôn bát cú, thất ngôn tú tuyệt, lục bát.

D Trần Tế Xương sáng tác gồm hai mảng: Trào phúng và trữ tình

Đáp án A

HS tiếp nhận nhiệm vụ

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS theo dõi, lắng nghe và trả lời

B3: Báo cáo, thảo luận:

Gv yêu cầu từng cá nhân học sinh trả lời câu hỏi

B4: Kết luận đánh giá

GV nhận xét, chốt kiến thức và dẫn dắt vào bài

Tham khảo kết quả:

Câu 1: C

Câu 2: A

Câu 3: B

Câu 4: B

Câu 5: A

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kĩ năng đọc đã học ở những bài trước như dự đoán, suy luận trong quá trình đọc trực tiếp văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao yêu cầu cho học sinh:  *+ Tìm hiểu từ khó và dựa vào các câu hỏi trắc nghiệm trong phần khởi động để khái quát về tác giả, tác phẩm* - HS nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận cặp đôi để trả lời câu hỏi; ghi kết quả vào Phiếu học tập số 1.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**   * GV mời hai nhóm trả lời câu hỏi. * GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, chốt ý.  **\* NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao yêu cầu cho học sinh:  *+ Tìm hiểu từ khó và dựa vào các câu hỏi trắc nghiệm trong phần khởi động để khái quát về tác giả, tác phẩm* - HS nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận cặp đôi để trả lời câu hỏi; ghi kết quả vào Phiếu học tập số 1.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**   * GV mời hai nhóm trả lời câu hỏi. * GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, chốt ý. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  - HS biết cách đọc diễn cảm  **2. Chú thích**  - Từ ngữ khó: Tự trào, phụ lão, văn thân, cuộc chuyển vần.  **3. Tác giả, tác phẩm**  **a. Tác giả**  - Trần Tế Xương tên thật là Trần Duy Uyên, quen gọi là Tú Xương, tự là Mặc Trai, hiệu là Mộng Tích, đến khi thi Hương mới lấy tên là Trần Tế Xương.  - Ông sinh ngày 10-8-1871 tại làng Vị Xuyên, huyện Mỹ Lộc, Nam Ðịnh và mất ngày 20-1-1907 ở làng Ðịa Tứ cùng huyện.  - Thơ Tú Xương đa dạng về cảm xúc “khi cười, khi khóc, khi than thở”, phong phú về phương pháp biểu hiện, nhưng tựu trung lại, nó là tấm lòng của ông với cuộc đời, và nỗi khinh bỉ, căm ghét những gì xấu xa nhơ bẩn, là những xót xa cay đắng trước những mất mát – không thể cứu vãn nổi, là nỗi đau khôn cùng của một tâm hồn cô đơn, bất lực chưa tìm được lối thoát. Ra đời giữa lúc văn học nhà nho thời trung đại đang đi dần tới dấu chấm hết, thơ Tú Xương đã tự khẳng định giá trị bằng một sự cựa quậy, bứt phá mạnh mẽ về cả nội dung lẫn hình thức để vượt ra. Đó là một đóng góp không nhỏ của Tú Xương cho văn học nước nhà.  **b. Tác phẩm**  **a. Xuất xứ**  In trong *Thơ văn Trần Tế Xương*, NXB Văn học, 2010  **b. Bố cục:** 4 phần  **c. Thể loại:** thất ngôn bát cú  **d. Phương thức biểu đạt:** biểu cảm kết hợp miêu tả, tự sự |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

* Xác định được thể thơ và cách gieo vần trong bài thơ.
* Nhận biết và phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật trào phúng trong bài.
* Nhận biết và phân tích được chủ đề, thông điệp mà văn bản gửi đến người được
* Nhận biết và phân tích được các nét đặc sắc về nghệ thuật được tác giả sử dụng trong bài thơ Nôm Đường luật.
* Hiểu được thái độ tự giễu, sự bất lực trước hoàn cảnh của tác giả trong bài thơ. Qua đó hiểu được tâm sự và thông điệp mà tác giả gửi đến.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV 1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - Chia lớp làm 3 nhóm  - Phát phiếu học tập cho các nhóm và giao nhiệm vụ cho từng nhóm:  + Nhóm 1: *tìm hiểu về những từ ngữ, hình ảnh tiêu biểu mà nhà thơ đã phác họa bức chân dung của mình qua 6 câu thơ đầu và cho biết tác dụng của những từ ngữ, hình ảnh đó*  + Nhóm 2: *tìm và chỉ ra các biện pháp tu từ và thủ pháp trào phúng được tác giả sử dụng trong bài*  + Nhóm 3: *chỉ ra những đặc sắc về vần nhịp trong bài thơ.*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Những nét đặc sắc về nội dung, nghệ thuật trong bài thơ**  a. Vần, nhịp  - Gieo vần: chân “Dân – đần –dần – thân – vần”  - Ngắt nhịp:  + Chủ yếu 4/3  + Câu 1: 3/1/3  →Việc sử dụng linh hoạt cách gieo vần làm cho nhịp điệu bài thơ trở nên linh hoạt và sinh động hơn. Từ đó bật lên tiếng cười chua xót, bất lực trước hoàn cảnh của bản thân  **b. Từ ngữ, hình ảnh**  – Những từ ngữ, hình ảnh mà tác giả đã sử dụng để tự phác họa bức chân dung về bản thân trong sáu câu thơ đầu:   |  |  | | --- | --- | | **Từ ngữ, hình ảnh** | **Tác dụng** | | Chẳng phải quan, chẳng phải dân | Tự nhận mình là người không bình thường | | Từ láy: ngơ ngơ, ngẩn ngẩn | -Ngẩn ngơ, không tỉnh táo | | -Hệ thống tự loại đặc sắc:  +Động từ: vểnh râu, lên mặt, sai vặt...  +Danh từ: phụ lão, dáng văn thân.. | Tự đắc về vị trí của bản thân như phụ lão, văn thân. | | → Nhận xét: Bức chân dung tự họa của tác giả, khắc họa tài năng văn chương chữ nghĩa của tác giả nhưng lại cho mình là ngu dốt, là ngẩn ngơ, không ăn thua với đời, ăn bám vợ con, vô công rỗi nghề.  c. Thủ pháp trào phúng  -Thủ pháp trào phúng:  + Sử dụng hệ thống từ loại: danh từ, động từ, tính từ.  + Dùng lời lẽ kín đáo, cách nói ngược để cười nhạo, mỉa mai  -Tác dụng: thể hiện sự tinh tế trong cách viết của tác giả, nhẹ nhàng mà thâm sâu. Từ đó tiếng cười tự giễu được bật lên. Tiếng cười ở đây mang nghĩa giải thoát khỏi sự bức bách, bất lực trước hoàn cảnh, thời cuộc của tác giả. | | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ  *+ Tìm những câu thơ có các từ ngữ thể hiện cảm xúc của nhà thơ?*  *+ Nhận xét được những tình cảm, cảm xúc của nhà thơ thể hiện trong bài thơ.*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **2. Tình cảm, cảm xúc của nhà thơ**  - Các từ ngữ hình ảnh:  + Chẳng phải quan, chẳng phải dân  + Lương vợ ngô khoái tháng phát dần  → Tiếng cười tự giễu vì sự bất lực trước cuộc đời, hoàn cảnh của chính mình   * Hai câu thơ cuối:   + Sông lâu, lâu để làm gì nhỉ  + Lâu để mà xem cuộc chuyển vần  → Tình cảm, cảm xúc: lo lắng cho thời cuộc, quan tâm vận mệnh đất nước một cách thầm kín. Qua đó thể hiện lòng yêu nước thầm kín, thái độ bất bình trước thực trạng hỗn loạn của xã hội. |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ  *+ Chủ đề của bài thơ là gì?*  *+ Qua bài thơ, tác giả muốn gửi gắm đến người đọc những thông điệp nào?*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **3. Chủ đề, thông điệp của tác giả**  - Chủ đề bài thơ: tiếng cười tự chế giễu vì sự bất lực của bản thân trước hoàn cảnh xã hội giao thời đầy nhiễu nhương  - Thông điệp: Sự tự nhận thức về tình cảnh của mình đó là bất lực trước hoàn cảnh và tố cáo xã hội giao thời dâ mâu thuẫn, nhiễu nhương. Qua đó thể thiện thái độ sống tích cực: dù cuộc sống có xoay vần, đổi thay thì hãy luôn giữ cho mình tinh thần lạc quan, yêu đời. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi: *Vẽ sơ đồ tư duy về nội dung của văn bản trên.*

- HS nhận nhiệm vụ.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Gv chuyển giao nhiệm vụ:

Gv tổ chức trò chơi “***Rung chuông vàng***” để hướng dẫn học sinh củng cố lại kiến thức đã học.

**Câu 1.** Bài thơ được gieo vần gì?

A. Vần lưng

B. Vần liền

**C. Vần chân**

D. Vần cách

**Câu 2.** Có thể chia bố cục bài thơ theo những cách nào?

A. Bốn phần (mỗi phần 2 câu) hoặc hai phần (2 câu đầu và 6 câu cuối)

**B. Hai phần (6 câu đầu và 2 câu cuối)**

C. Hai phần (mỗi phần 4 câu) hoặc bốn phần (mỗi phần 2 câu)

D. Ba phần (3 câu đầu, 3 câu tiếp và 2 câu cuối) hoặc ba phần (2 câu đầu, 2 câu tiếp và 4 câu cuối)

**Câu 3.** Phép đối trong bài thơ xuất hiện ở những cặp câu nào?

A. 1 – 2 và 3 – 4

**B. 3 – 4 và 5 – 6**

C. 5 – 6 và 7 – 8

D. 1 – 2 và 7 – 8

**Câu 4.** “Tự trào” có nghĩa là gì?

A. Tự kể về mình

B. Tự viết về mình

C. Tự nói về mình

**D. Tự cười mình**

**Câu 5.** Trong bài thơ trên, nhân vật trữ tình “tự trào” điều gì?

A. Cái nghèo của mình

B. Cái dốt nát của mình

C. Cái khôn ngoan của mình

**D. Sự bất lực của bản thân trước hoàn cảnh và thời cuộc**

**Câu 6.** “Tự trào” cho thấy rõ nhất điều gì ở nhân vật trữ tình?

**A. Lòng yêu nước**

B. Sự hiếu học

**C. Lòng tự trọng**

D. Tính hài hước

Câu 7: Thủ pháp trào phúng được tác giả sử dụng là:

**A Cách nói ngược để tự trào, mỉa mai**

B: Cách nói phóng đại

C cách lời nghịch lý để phê phán, mỉa mai.

D cách nói ẩn dụ giễu nhại

- HS nhận nhiệm vụ.

- GV nhận xét câu trả lời, nhắc nhở HS làm bài cẩn thận, nộp bài đúng thời gian.

- Đáp án tham khảo:

Câu 1: C

Câu 2: B

Câu 3:B

Câu 4: D

Câu 5: D

Câu 6: A

Câu 7: A

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận diện và viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; chỉnh sửa bài viết, rút kinh nghiệm.

- Xác định được các yêu cầu đối với bài văn kể lại một chuyến đi.

- HS viết được bài văn kể lại một chuyến đi.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS xem clip và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi: *Sau khi đọc xong một tác phẩm văn học (truyện, tiểu thuyết…) chắc hẳn sẽ có những tác phẩm để lại những ấn tượng sâu sắc. Vậy khi muốn chia* sẻ với người khác về tác phẩm ấy thì em có thể chia sẻ bằng cách nào?

- HS nhận nhiệm vụ

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới*:*Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau học bài *Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức về kiểu bài**

**a. Mục tiêu:** Nhấn mạnh tác dụng của việc luyện tập kiểu bài

**b. Nội dung:** Hs sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV 1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  *+ Trình bày khái niệm bài văn phân tích một tác phẩm văn học.*  + *Xác định yêu cầu đối với kiểu văn bản phân tích một tác phẩm văn học.*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học;  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  **\* Khái niệm:**  Phân tích một tác phẩm văn học thuộc kiểu bài nghị luận văn học, trong đó người viết dùng lí lẽ, bằng chứng để làm rõ chủ đề và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.  **\* Yêu cầu đối với kiểu văn bản:**  • Về nội dung: nêu được chủ đề; nêu và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong tác phẩm văn học, ví dụ: hình ảnh, từ ngữ, các biện pháp tu từ (đối với văn bản thơ); tình huống, chi tiết tiêu biểu, nhân vật, ngôi kể (đối với văn bản truyện) ...  • Về hình thức: lập luận chặt chẽ, có bằng chứng tin cậy từ tác phẩm, diễn đạt mạch lạc; sử dụng các phương tiện liên kết hợp lí để giúp người đọc nhận ra mạch lập luận.  • Bố cục bài viết cần đảm bảo:  Mở bài: giới thiệu tác phẩm văn học (tên tác phẩm, tác giả...), nêu ý kiến khái quát về chủ đề và nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.  Thân bài: lần lượt trình bày các luận điểm làm nổi bật chủ đề và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong tác phẩm.  Kết bài: khẳng định lại ý kiến về chủ đề và một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm; nêu suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiệm cá nhân hoặc bài học rút ra từ tác phẩm. |
| **\* NV 2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **Phân tích văn bản: Phân tích truyện ngắn Gió lạnh đầu mùa (Thạch Lam)**  **Câu 1 (trang 39 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Bài văn phân tích tác phẩm văn học nào?  **Câu 2 (trang 39 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Phần mở bài nêu những nội dung gì?  **Câu 3 (trang 39 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Phần thân bài có mấy luận điểm? Người viết đã sử dụng những lí lẽ, bằng chứng nào để làm sáng tỏ các luận điểm đó?  **Câu 4 (trang 39 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Phần kết bài có mấy ý?  **Câu 5 (trang 39 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Người viết đã sử dụng các phương diện liên kết nào để giúp người đọc nhận ra mạch lập luận của bài viết?  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học;  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **\* Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản:**  **Văn bản: Phân tích truyện ngắn Gió lạnh đầu mùa (Thạch Lam)**  **Câu 1 (trang 39 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  - Phân tích tác phẩm Gió lạnh đầu mùa của nhà văn Thạch Lam.  **Câu 2 (trang 39 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  - Phần mở bài:  + Giới thiệu tác phẩm, tác giả.  + Khái quát những nét đặc sắc về chủ đề và nghệ thuật của tác phẩm.  **Câu 3 (trang 39 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Phần thân bài có 2 luận điểm:  - Luận điểm 1: Chủ đề truyện  + Tình người thể hiện trong cảnh những đứa trẻ chơi đùa vui vẻ, không phân biệt hoàn cảnh giàu nghèo.  - Luận điểm 2: Đặc sắc nghệ thuật  + Cốt tuyện và tình huống truyện: Sự việc hai đứa trẻ nhà khá giả động lòng thương, mang cho một người bạn khó khăn chiếc áo mùa rét rất bình dị, tự nhiên, không phải là những xung đột gay gắt, hay sự việc lì kì.  + Miêu tả nội tâm nhân vật:  Sơn cảm nhận được những biến chuyển nhỏ nhất của thiên nhiên: “chân trời trong hơn mọi hôm, những làng ở xa, Sơn thấy rõ như ở gần”.  Tấm lòng nhân hậu giúp Sơn nhận ra những đứa trẻ nhà nghèo hôm nay “môi chúng tím lại, và qua những chỗ áo rách, da thịt thâm đi” …  + Chi tiết đặc sắc: Một trong những chi tiết đặc sắc mà tôi rất tâm đắc là lời nói của người mẹ ở cuối truyện: “Hai con tôi quý quá, dám tự do lấy áo đem cho người ta mà không sợ mẹ mắng ư”.  **Câu 4 (trang 39 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  - Phần kết có hai ý:  + Ý kiến về chủ đề và giá trị của một vài nét đặc sắc nghệ thuật.  + Cảm xúc về tác phẩm.  **Câu 5 (trang 39 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  -  Người viết đã sử dụng các luận điểm, luận cứ, lí lẽ và các dẫn chứng cụ thể để người đọc có thể dễ dàng nhận ra mạch lập luận của bài viết. |

**Hoạt động 2: Hướng dẫn quy trình viết**

**a. Mục tiêu:**

- HS xác định được đề tài sẽ viết.

- HS xác định được bố cục và những chi tiết trong bài viết

- HS viết được bài văn

- HS đánh giá bài làm của mình

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\*NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  HS đọc kĩ yêu cầu đề bài, thảo luận cặp đôi và trả lời các câu hỏi sau:  *+ Trước khi viết chúng ta cần chuẩn bị và chú ý đến điều gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **\* Hướng dẫn quy trình viết**  **Đề bài (trang 39 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện mà em yêu thích.  ***Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết.***  • Em hãy tìm đọc:  - Các truyện mà em đã học trong sách giáo khoa Ngữ văn 6, Ngữ văn 7.  - Truyện mà em yêu thích hoặc giúp em có những thay đổi về cách nhìn cuộc sống, con người.  - …  • Bài phân tích một tác phẩm văn học có thể được viết để chia sẻ trong Câu lạc bộ đọc sách; đăng lên trang web của trường, nhóm học tập của lớp; gửi cho các báo, tạp chí (ví dụ: Tạp chí Văn học và Tuổi trẻ) ... Với mỗi tình huống cụ thể, em cần  xác định:  – Mục đích viết bài này là gì? Người đọc bài này có thể là ai? Họ muốn thu nhận được điều gì từ bài viết?  – Với mục đích và người đọc như vậy, nội dung và cách viết sẽ như thế nào?  • Thu thập tư liệu để hiểu thêm về thể loại, tác giả, tác phẩm đã chọn trên các nguồn tham khảo uy tín như các tờ báo hoặc tạp chí: Văn học và Tuổi trẻ, Văn nghệ, Tuổi trẻ, Thanh niên... Sau đó ghi chép thông tin và những suy ngẫm của em về tác phẩm bằng các hình thức: nhật kí đọc sách, bảng tóm tắt thông tin, sơ đồ tóm tắt nhân vật... |
| **\*NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  + *Trong quá trình tìm ý và lập dàn ý chúng ta cần lưu ý những điểm gì?*  *+ Xây dựng dàn ý cơ bản cho bài viết phân tích một tác phẩm văn học.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | ***Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý***  Đọc lại các ghi chép và điền thông tin vào phiếu học tập sau (làm vào vở):   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU TÌM Ý: PHÂN TÍCH MỘT**  **TÁC PHẨM VĂN HỌC**  Tên tác phẩm văn học em lựa chọn:  ……………………………………………   |  | | --- | | Thông tin chung về tác giả và tác phẩm | |  | | Chủ đề | | - Tóm lược nội dung tác phẩm:  - Nêu chủ đề: | | Những nét đặc sắc về nghệ thuật và tác dụng | | - Nét thứ nhất: Chỉ ra và nêu tác dụng  - Nét thứ hai: Chỉ ra và nêu tác dụng  - … |   Cảm nhận về tác phẩm:  ……………………………………………… |   • Chọn những ý tiêu biểu, sắp xếp theo một trình tự hợp lí (tham khảo sơ đồ sau):   |  |  | | --- | --- | | Mở bài | - Giới thiệu tác phẩm (tên tác phẩm, tác giả).  - Nêu khái quát về chủ đề và một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm. | | Thân bài | - Nêu chủ đề của tác phẩm.  - Chỉ ra và phân tích tác dụng của một vài nét đặc sặc về hình thức nghệ thuật của tác giả. | | Kết bài | - Khẳng định lại chủ đề và giá trị của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.  - Nêu suy nghĩ/ cảm xúc về tác phẩm, chia sẻ bài học rút ra cho bản thân. | |
| **\* NV3:**  **B1. GV chuyển giao nhiệm vụ:**  *+ Dựa vào dàn ý đã xây dựng, các em hãy Viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện mà em yêu thích.*  - HS nhận nhiệm vụ  **B2. Học sinh thực hiện nhiệm vụ:**  - Bám vào yêu cầu của dàn bài để viết hoàn chỉnh bài văn  - Thống nhất về ngôi kể  **B3. Báo cáo sản phẩm:**  GV gọi HS 1-3 em đọc  **HS khác lắng nghe và nhận xét cho bạn**  **B4: Kết luận và nhận định của GV**  - GV kết luận và giao nhiệm vụ  - HS về nhà hoàn thiện bải văn hoàn chỉnh theo những góp ý | ***Bước 3: Viết bài***  Triển khai bài viết dựa trên dàn ý, lưu ý:  • Nêu luận điểm, lí lẽ kết hợp với bằng chứng.  • Tách đoạn hợp lí.  • Sử dụng các phương tiện liên kết để liên kết các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng. |
| **\* NV4:**  **B1: GV giao nhiệm vụ:**  GV chiếu bảng kiểm  - HS trao đổi bài cho nhau  - Dùng bảng kiểm để góp ý  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS thực hiện theo yêu cầu cuả GV  **B3: Báo cáo sản phẩm:**  - GV yêu cầu HS nhận xét bài củabạn  - HS nhận xét và đưa ra hướng viết của mình nếu như làm Bài của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định của GV:**  GV chốt lại những ưu điểm và nhược điểm của bài viết. | ***Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm***  • Đọc lại bài viết và dùng bảng kiểm dưới đây để tự chỉnh sửa:  *Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện: chủ đề và nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | | **Đạt** | **Chưa đạt** | | **Mở bài** | Nêu tác phẩm, thể loại và tên tác giả (nếu có) |  |  | | Nêu khái quát nét đặc sắc của tác phẩm (chủ đề, hình thức nghệ thuật nổi bật....) |  |  | | **Thân bài** | Nêu chủ đề của tác phẩm. |  |  | | Nêu một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm. |  |  | | Phân tích giá trị của một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật |  |  | | Sử dụng các bằng chứng có trong tác phẩm. |  |  | | Sử dụng các phương tiện liên kết để liên kết các luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng. |  |  | | **Kết bài** | Khẳng định lại thành công nổi bật của tác phẩm (chủ đề, hình thức nghệ thuật…) |  |  | | Nêu suy nghĩ, cảm xúc hoặc bài học rút ra từ tác phẩm. |  |  | | **Diễn đạt** | Đảm bảo đúng chính tả, ngữ pháp, không mắc lỗi diễn đạt (dùng từ và đặt câu) |  |  |   • Đọc lại bài phân tích của em từ vai trò của người đọc và trả lời hai câu hỏi sau:  1. Ưu điểm của bài viết này là gì?  2. Những điểm nào cần chỉnh sửa, bổ sung? |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV yêu cầu HS: *Viết bài văn phân tích về một tác phẩm văn học (có trong SGK) mà em yêu thích.*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời  **B3: Báo cáo thảo luận**  - HS trả lời.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV chốt lại kiến thức | - HS thực hiện |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**-** GV đặt câu hỏi:*Viết bài văn phân tích về một tác phẩm văn học (ngoài SGK) đã để lại cho em nhiều ấn tượng sâu sắc.*

- HS nhận nhiệm vụ.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC***(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm, v.v…)*

**Thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Xác định được vấn đề chính của một cuộc thảo luận .

- Có những nhận định về đúng/sai, hay/dở riêng cho bản thân.

- Biết cách lập ý, tìm ý để bảo vệ ý kiến.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội, nêu rõ ý kiến và các luận điểm sử dụng lý lẽ và bằng chứng thuyết phục

**3. Phẩm chất:**

- Tôn trọng nhữn ý kiến khác biệt,

- Biết lắng nghe và thay đổi cách nghĩ, cách làm.

- Tôn trọng tập thể.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

+ GV chiếu video 1: về tự nhận thức bản thân mình và yêu cầu HS vừa xem vừa nói được vấn đề đặt ra trong video là gì? Nó có biểu hiện như thế nào? Vai trò và ý nghĩa của nó với bản thân em?

<https://www.youtube.com/watch?v=1M7uviWfRKw>

+ HS tiếp nhận nhiệm vụ

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

+ HS quan sát, suy nghĩ, trả lời

+ GV quan sát và lắng nghe

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận

+ HS trình bày

+ GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn

- Bước 4: Kết luận nhận định

+ GV nhận xét và kết nối vào bài học

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Chuẩn bị nói và nghe**

**a. Mục tiêu:** Nhận diện được quy trình các bước nghe và nắm bắt nội dung chính đã trao đổi, thảo luận và trình bày lại nội dung đó.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  Nhắc lại quy trình (các bước) *nghe và nắm bắt nội dung chính trong thảo luận nhóm, trình bày lại nội dung đó.*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - Các nhóm luyện nói  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Chuẩn bị nói và nghe**  **Đề bài (trang 42 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Nghe và tóm tắt bài thuyết trình về một tác phẩm văn học do người khác trình bày trong buổi sinh hoạt Câu lạc bộ đọc sách.  ***Bước 1: Chuẩn bị trước khi nghe***  - Xác định mục đích nghe để hiểu thêm về tác phẩm văn học đã đọc hoặc thu nhận thông tin về những tác phẩm chưa đọc.  • Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm sẽ được thuyết trình.  • Chuẩn bị giấy, bút (bút màu, bút dạ quang...) để ghi chép và đánh dấu hoặc gạch chân những thông tin quan trọng.  ***Bước 2: Nghe và ghi chép***  • Lắng nghe các thông tin về tên tác giả, tác phẩm, cốt truyện, nhân vật chính, chủ đề, một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật...  • Theo dõi và ghi tóm tắt các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng mà người nói sử dụng trong bài thuyết trình.  • Ghi những câu hỏi mà em muốn trao đổi với người thuyết trình.  ***Bước 3: Đọc lại, chỉnh sửa và chia sẻ***  • Đọc lại và trao đổi nội dung tóm tắt với các bạn khác và chỉnh sửa (nếu cần).  • Nêu câu hỏi về những điểm em chưa rõ hoặc không đồng tình với người thuyết trình.  • Trao đổi với các bạn về ba vấn đề sau:  - Cách lắng nghe và nắm bắt nội dung thuyết trình.  - Cách ghi tóm tắt nội dung đã nghe.  - Cách nêu câu hỏi cho người thuyết trình. |

**Hoạt động 2: Thực hành nói và nghe**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận diện được quy trình các bước nghe và nắm bắt nội dung chính đã trao đổi, thảo luận và trình bày lại nội dung đó.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIÊN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ  + *Nghe và tóm tắt bài thuyết trình về một tác phẩm văn học do người khác trình bày trong buổi sinh hoạt Câu lạc bộ đọc sách.*  *-* HS nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe và tóm tắt nội dung.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **II.** **Thực hành nói và nghe**   * Bước 1: Chuẩn bị nghe * Bước 2: Lắng nghe và nắm bắt nội dung chính. * Bước 3: Trình bày nội dung chính đã nghe:   Gợi ý dự kiến nội dung trao đổi, thảo luận: |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS:

**Đề bài:** *HS chuẩn bị bài thuyết trình về một tác phẩm văn học mà em thấy yêu thích.*

- HS nhận nhiệm vụ

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV đặt câu hỏi:** *HS vẽ sơ đồ tóm tắt nội dung thuyết trình ở phần luyện tập.*

- HS nhận nhiệm vụ.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Ôn tập**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học trong bài để thực hiện các nhiệm vụ ôn tập.

- Hệ thống các kiến thức đã học về một số yếu tố của truyện lịch sử.

- HS nêu được nội dung bao quát của văn bản, nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật.

**2. Về năng lực:**

- Trình bày được phần chuẩn bị cho các nội dung ôn tập đã thực hiện ở nhà.

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học trong bài học để thực hiện các nhiệm vụ ôn tập.

**3. Về phẩm chất:**

- Trân trọng, tự hào về lịch sử, con người Việt Nam

- Trách nhiệm: Giữ gìn, phát huy những nét đẹp có tính lịch sử, văn hóa của đân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung các bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Khái quát, tổng hợp tri thức Ngữ văn.

**b) Nội dung**:

- HS trả lời câu hỏi

**c) Sản phẩm:** HS nêu/trình bày được

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức trò chơi: “***Ai nhanh hơn***” cho hai đội; yêu cầu HS nhắc lại những nội dung và kiến thức đã được học trong bài 9.

***1. Tác giả của văn bản “Hoàng Lê nhất thống chí” là ai?***

1. Ngô gia văn phái C. Ngô Thì Chí
2. Ngô Thì Du D. Nguyễn Đức Vân và Kiều Thu Hoạch

***2. Truyện viên tướng trẻ và con ngựa trắng kể về nhân vật lịch sử nào?***

1. Hưng Đạo Đại Vương - Trần Quốc Tuấn
2. Hoài Văn Hầu - Trần Quốc Toản
3. Chiêu Thành Vương, chú ruột của Hoài Văn

***3. Xác định thể loại của văn bản “Bến nhà rồng năm ấy”.***

1. Truyện ngắn C.Truyện viễn tưởng
2. Tiểu thuyết D. Truyện lịch sử

***4.Trong những câu sau,câu nào là câu khiến?***

A. Mèo con đã đi học rồi sao? C. Ôi chao, nắng giòn tan!

B. Thế chúng ta đi cùng nhau vậy. D. Tiếng tù và rúc một hồi dõng dạc.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, chia sẻ ý kiến.

- Đội nào trả lời nhanh và đầy đủ nhất sẽ được điểm thưởng.

- Sau khi HS trả lời xong GV tái hiện và dẫn dắt vào tiết Ôn tập để giúp HS củng cố kiến thức.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu**

- Củng cố, tổng hợp lại những kiến thức đã học.

- Khắc sâu chủ đề của bài học

**-** Trình bày được một số nội dung chính qua các VB truyện đã học.

- Xác định được biệt ngữ xã hội và chức năng, giá trị của biệt ngữ xã hội.

- Trình bày được những đặc điểm của kiểu bài phân tích một tác phẩm văn học.

- Trình bày được yêu cầu khi nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.

**b. Nội dung**

- Hs làm bài tập 1,2,3 theo bảng so sánh và câu hỏi trong SGK.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời, phiếu học tập của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): HĐ nhóm**  GV yêu cầu HS Hoàn thành bảng danh sách các kiến thức đã học ở bài 10.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS trao đổi thảo luận hoàn thiện bảng mẫu.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**Đại diện nhóm trình bày;  Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung  (Phần thuyết trình có thể thuyết trình kết hợp với các slile hoặc sapo)  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  - Đánh giá, nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức chuyển sang hoàn thiện phiếu học tập số 2.  Nhận xét phần trình bày của các nhóm. | **1. Thơ trào phúng**  - Thơ trào phúng là một bộ phận của văn học trào phúng, trong đó các tác giả tạo ra tiếng cười và sử dụng tiếng cười để châm biếm, phê phán xã hội hoặc tự phê bình bản thân. Tiếng cười trong thơ trào phúng có nhiều cung bậc: hài hước, châm biếm, đả kích nhưng không phải bao giờ cũng rạch ròi mà chuyển hoá linh hoạt từ cung bậc này sang cung bậc khác. Các bài thơ trào phúng có thể được viết bằng những thể thơ khác nhau: thơ cách luật (tử tuyệt, thất ngôn bát cú...) và thơ tự do.  - Thủ pháp trào phúng: Tiếng cười trong thơ trào phúng thường được tạo ra bằng các thủ pháp: phóng đại, ẩn dụ, giễu nhại, lối nói nghịch lí...  Ví dụ: Trần Tế Xương đã sử dụng thủ pháp nói giễu để miêu tả quang cảnh khoa thi Hương năm Đinh Dậu như sau:  *Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ,*  *Ậm oẹ quan trường miệng thét loa.*  *Lọng cắm rợp trời quan sứ đến,*  *Vảy là quét đất mụ đầm ra.*  (Trần Tế Xương, Vịnh khoa thi Hương)  **2. Sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ**  - Sắc thái nghĩa là phần nghĩa bổ sung bên cạnh phần nghĩa cơ bản của từ ngữ. Sắc thái nghĩa biểu thị tình cảm, thái độ, đánh giá, nhận định... của người nói, người viết, chẳng hạn như sắc thái trang trọng, thân mật, coi khinh...  Ví dụ: Mặc dù cùng có chung phần nghĩa cơ bản (đều dùng để chỉ người) nhưng hai từ vị (vị đại biểu, vị khách...) và tên (tên cướp, tên trộm...) lại có sắc thái nghĩa rất khác nhau. Nếu vị thể hiện thái độ kính trọng thì tên lại tỏ thái độ coi khinh.  - Khi lựa chọn từ ngữ, ngoài việc quan tâm đến phần nghĩa cơ bản, chúng ta cần phải quan tâm đến sắc thái nghĩa của từ. Bởi vì nếu không lựa chọn được từ ngữ với sắc thái nghĩa phù hợp, chúng ta sẽ không thể diễn tả chính xác thái độ, tình cảm, nhận định... của mình đối với sự việc được đề cập trong câu hoặc đối với người nghe, người đọc. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  - Trình bày các bước để Viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS trao đổi thảo luận hoàn thiện bảng mẫu  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  **-**Đại diện nhóm trình bày;  - Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  Nhận xét phần trình bày của các nhóm. | **2. Kiểu bài viết**  - Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  **Gv tổ chức cho Hs hoạt động cá nhân**  Nhắc lại những nội dung mà em đã thực hành trong bài nói và nghe.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS trao đổi thảo luận hoàn thành câu hỏi.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  **-**Đại diện nhóm trình bày;  - Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  Nhận xét phần trình bày của các nhóm. | **3. Những nội dung đã thực hành nói và nghe**  - Thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống. |

**C.  HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Khái quát lại những nội dung đã học bằng hệ thống bài tập.

**b) Nội dung**:

**- GV** tổ chức cho HS tham gia các trò chơi, nêu các câu hỏi yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập.

**- HS** tham gia các trò chơi, yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập của GV.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  Thực hiện bài tập:  **Câu 1 (trang 113 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Đọc lại các bài thơ Bạn đến chơi nhà, Đề đền Sầm Nghi Đống, Tự hào I và hoàn thành bảng sau (làm vào vở):   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | ***Bạn đến chơi nhà*** | ***Đề đền Sầm Nghi Đống*** | ***Tự hào I*** | | Thủ pháp trào phúng |  |  |  | | Tình cảm, cảm xúc của tác giả |  |  |  | | Chủ đề |  |  |  | | Thông điệp |  |  |  | | Nhận xét chung | | | |   **Câu 2 (trang 113 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Khi tìm hiểu một bài thơ trào phúng, cần chú ý điều gì?  **Câu 3 (trang 113 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Vì sao khi lựa chọn từ ngữ, ngoài việc quan tâm đến phần ý nghĩa cơ bản, chúng ta cần quan tâm đến sắc thái nghĩa của từ?  - HS nhận nhiệm vụ  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-**HS thực hiện trò chơi theo hướng dẫn của Gv.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**Các đội thực hiện trò chơi, theo dõi, nhận xét, chấm điểm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  Nhận xét phần thực hiện trò chơi của các đội | **4. Luyện tập**  **Câu 1 (trang 113 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | ***Bạn đến chơi nhà*** | ***Đề đền Sầm***  ***Nghi Đống*** | ***Tự hào I*** | | Thủ pháp trào phúng | Thủ pháp phóng đại kết hợp lối nói hóm hỉnh. | Thủ pháp nói giễu. | Thủ pháp nói giễu kết hợp lối nói hóm hỉnh. | | Tình cảm, cảm xúc của tác giả | Tình cảm trân trọng, yêu quý bạn. | Xem thường, giễu cợt vị thần xâm lược thất bại. | Lo lắng cho thời cuộc, quan tâm vận mệnh đất nước một cách thầm kín, thể hiện sự tự nhận thức về giá trị của bản thân. | | Chủ đề | Qua tiếng cười tự trào hóm hỉnh, bài thơ khẳng định tình cảm, trân trọng, yêu quý hết mực của tác giả dành cho bạn. | Thái độ bất kính, coi thường Sầm Nghi Đống, đồng thời thể hiện khát vọng bình đẳng nam – nữ của Hồ Xuân Hương. | Tiếng cười tự chế giễu vì sự bất lực của bản thân trước hoàn cảnh xã hội giao thời đầy nhiễu nhương. | | Thông điệp | Tình bạn cần sự chân thành, tình cảm tự đáy lòng là trên hết. | Phụ nữ có khả năng làm được nhiều việc không kém nam giới nếu được giải phóng khỏi các quy ước, ràng buộc của xã hội phong kiến; nam-nữ cần được bình đẳng để phụ nữ có cơ hội thể hiện tài năng. | Sự tự nhận thức về tình cảnh của mình: bất lực trước hoàn cảnh và tố cáo xã hội giao thời đầy nhiễu nhương, mâu thuẫn đã đẩy những trí thức như ông vào tình cảnh này. | | **Nhận xét chung:**  Bằng việc sử dụng một cách phù hợp các thủ pháp nghệ thuật trào phúng, các tác giả đã khéo léo thể hiện tình cảm, cảm xúc của mình và gửi gắm thông điệp đến người đọc, làm rõ chủ đề của tác phẩm. | | | |   **Câu 2 (trang 113 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  - Khi tìm hiểu một bài thơ trào phúng, cần chú ý:  + Xác định và phân tích những thủ pháp nghệ thuật trào phúng.  + Làm rõ tình cảm, cảm xúc của tác giả, chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ.  **Câu 3 (trang 113 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  - Khi lựa chọn từ ngữ, ngoài việc quan tâm đến phần ý nghĩa cơ bản, chúng ta cần quan tâm đến sắc thái nghĩa của từ vì nếu không lựa chọn được từ ngữ với sắc thái nghĩa phù hợp, chúng ta sẽ không thể diễn tả chính xác thái độ, tình cảm, nhận định... của mình đối với sự việc được đề cập trong câu hoặc đối với người nghe, người đọc. |

**D.  HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Khái quát lại những nội dung đã học bằng hệ thống bài tập.

**b) Nội dung**:

**- GV** tổ chức cho HS tham gia các trò chơi, nêu các câu hỏi yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập.

**- HS** tham gia các trò chơi, yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập của GV.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  Thực hiện bài tập:  **Câu 4 (trang 113 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Việc dùng các từ ngữ in đậm trong các câu dưới đây có phù hợp không? Vì sao?  a. Ông ấy là một doanh nhân lọc lõi được nhiều người ngưỡng mộ.  b. Bà ấy tuy tuổi đã cao nhưng gương mặt vẫn rất xinh.  **Câu 5 (trang 113 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Khi viết bài văn phân tích một bài thơ, chúng ta cần đảm bảo những yêu cầu nào?  **Câu 6 (trang 113 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Để việc thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống diễn ra hiệu quả, chúng ta cần lưu ý những gì (trước, trong và sau khi thảo luận)?  **Câu 7 (trang 113 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):** Việc dùng tiếng cười để tự phê bình bản thân và phê bình người khác có tác dụng gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-**HS thực hiện trò chơi theo hướng dẫn của Gv.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**Các đội thực hiện trò chơi, theo dõi, nhận xét, chấm điểm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  Nhận xét phần thực hiện trò chơi của các đội. | **Câu 4 (trang 113 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  a. Việc dùng từ “lọc lõi” trong trường hợp này là không phù hợp vì “lọc lõi” có nghĩa là “từng trải và khôn ngoan, có đủ kinh nghiệm, biết đủ mọi mánh khoé (thường hàm ý ch2)” trong khi đối tượng được miêu tả ở đây là một doanh nhân “được nhiều người ngưỡng mộ”.  b. Việc dùng từ “xinh” trong trường hợp này là không phù hợp vì “xinh” có nghĩa là “có hình dáng và những đường nét rất dễ coi, ưa nhìn (thường dùng để nói về trẻ em, phụ nữ trẻ)” trong khi đối tượng được miêu tả ở đây là người phụ nữ lớn tuổi (bà ấy tuy tuổi đã cao).  **Câu 5 (trang 113 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  - Về nội dung:  + Nêu được chủ đề.  + Nêu và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm thơ như: từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ…  - Về hình thức:  + Lập luận chặt chẽ, có bằng chứng tin cậy lấy từ tác phẩm.  + Nêu và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm thơ như: từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ…  - Về bố cục:  + Mở bài: Giới thiệu về tác phẩm thơ (tên tác giả, tác phẩm…); nêu ý kiến khái quát về chủ đề, một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.  + Thân bài: lần lượt trình bày các luận điểm làm nổi bật chủ đề và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong tác phẩm.  + Kết bài: khẳng định lại chủ đề và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm; nêu suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiệm cá nhân hoặc bài học rút ra từ tác phẩm.  **Câu 6 (trang 113 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Để thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống diễn ra hiệu quả, chúng ta cần lưu ý  - Xác định rõ vấn đề cần thảo luận  - Bao quát được diễn biến của cuộc thảo luận (những ý kiến đã nêu, những điều đã được làm rõ, những điều cần được trao đổi thêm...)  - Thể hiện được thái độ tán thành hay phản đối trước những ý kiến đã phát biểu.  - Nêu được quan điểm, nhận định của bản thân về vấn đề (góc nhìn riêng và những phân tích, đánh giá cụ thể)  - Tôn trọng người đối thoại để cùng tìm tiếng nói chung về vấn đề.  **Câu 7 (trang 113 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Việc dùng tiếng cười để tự phê bình bản thân và phê bình người khác có tác dụng đưa tới cách nhìn đa dạng và thông điệp, dụng ý tác giả muốn truyền tải và nhắc tới. |

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Ôn tập cuối học kì II**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Hệ thống lại các nội dung cơ bản đã học trong học kì I, gồm các kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn bản.

- Đặc điểm hình thức và nội dung của thơ sáu chữ, bảy chữ, văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên, văn bản nghị luận, truyện cười, hài kịch.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực nhận diện các đặc điểm của các kiểu văn bản đã học, kĩ năng các kiểu bài viết.

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**3. Về phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung các bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Khái quát, tổng hợp tri thức Ngữ văn.

**b) Nội dung**:

- HS trả lời câu hỏi

**c) Sản phẩm:** HS nêu/trình bày được

**d) Tổ chức thực hiện:**

***B1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi*: Em đã học những nội dung nào trong học kì 2 ?*

***B2: Thực hiện nhiệm vụ***

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ

***B3: Báo cáo, thảo luận***

1-2 HS trả lời câu hỏi, nhóm trưởng báo cáo phần chuẩn bị bài ở nhà của các thành viên trong nhóm.

***B4: Kết luận, nhận định (GV)***

- Nhận xét (hoạt động trò chơi của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động ôn tập.

- Viết tên bài học, thực hành ôn tập.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV1:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): HĐ nhóm**  - **GV giao nhiệm vụ: Tìm hiểu phần I. Đọc (trang 114 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  **Câu 1 (trang 114 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):** Nối nội dung ở cột A với nội dung tương ứng ở cột B (làm vào vở):   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **A** |  | **B** | | 1. Thơ thất ngôn bát cú luật Đường |  | a. là một bộ phận của văn học trào phúng, trong đó các tác giả tạo ra tiếng cười và sử dụng tiếng cười để châm biếm, phê phán xã hội hoặc tự phê bình bản thân. | | 2. Thơ tứ tuyệt luật Đường. |  | b. thuộc kiểu văn bản thông tin, trong đó người viết cung cấp các thông tin về một cuốn sách hoặc bộ phim, đồng thời trình bày cảm nhận, đánh giá của người viết nhằm giới thiệu, khuyến khích mọi người đọc cuốn sách hoặc xem bộ phim đó. | | 3. Truyện lịch sử. |  | c. là thể thơ mỗi bài có bốn câu, mỗi câu có bảy chữ, có quy luật chặt chẽ về vần, niêm, luật. | | 4. Văn bản giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim. |  | d. là loại truyện lấy đề tài lịch sử (lịch sử quốc gia, dân tộc, dòng họ, danh nhân...) làm nội dung chính. | | 5. Thơ trào phúng |  | đ. là thể thơ mỗi bài có tám câu, mỗi câu có bảy chữ, có quy luật chặt chẽ về vần, niêm, luật. |   **Câu 2 (trang 114 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):** Hoàn thành bảng sau để làm rõ một số đặc điểm của văn bản truyện (làm vào vở):   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thuật ngữ** | **Khái niệm/ đặc điểm** | | **1** |  |  | | **2** |  |  | | **3** |  |  | | **4** |  |  |   **Câu 3 (trang 115 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):** Nêu một số đặc điểm của truyện lịch sử.  **Câu 4 (trang 115 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):** Giữa truyện cười và thơ trào phúng có điểm gì tương đồng và khác biệt? Em hãy trả lời dựa vào bảng sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Truyện cười** | **Thơ trào phúng** | | Nét tương đồng |  | | | Đặc điểm riêng |  |  |  * HS nhận nhiệm vụ.   **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS trao đổi thảo luận hoàn thiện bảng mẫu.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**Đại diện nhóm trình bày;  Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung  (Phần thuyết trình có thể thuyết trình kết hợp với các slile hoặc sapo)  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  - Đánh giá, nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm).  Nhận xét phần trình bày của các nhóm. | **Phần I. Đọc (trang 114 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  **Câu 1 (trang 114 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  1 - đ  2 - c  3 - d  4 - b  5 – a  **Câu 2 (trang 114 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thuật ngữ** | **Khái niệm/ đặc điểm** | | **1** | Cốt truyện đơn tuyến | cốt truyện chỉ có một nhân vật chính, đặt trong mối quan hệ với tất cả các nhân vật khác, thường hướng về một chủ đề. | | **2** | Cốt truyện đa tuyến | Cốt truyện có nhiều nhân vật chính và có nhiều câu chuyện và nhân vật với nhau nhưng hướng tới chủ đề chung của tác phẩm | | **3** | Nhân vật chính | Nhân vật chính là nhân vật chiếm phần lớn câu chuyện hoặc là điểm nhìn của câu chuyện. Nhân vật chính thường có tên xuất hiện trên tên phim điện ảnh hoặc truyền hình nhiều tập. Ví dụ: Michael Clayton, Shrek... Nó cũng thể hiện được rằng nhân vật chính sẽ là trung tâm của câu chuyện. | | **4** | Chi tiết tiêu biểu | là chi tiết đặc sắc, tập trung thể hiện rõ nét sự việc tiêu biểu. |   **Câu 3 (trang 115 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Các nhân vật trong truyện lịch sử khá lôi cuốn và hấp dẫn:  - Đơn giản như sử Việt, thì người dạy sử Việt chưa bao giờ biết nhàm chán. Miễn sao người dạy, người nghiên cứu cần phải gia công tìm tòi, tìm hiểu, không được thỏa mãn với những điều mình đã có. Với sự hiểu biết luôn là vô cùng, cần phải làm sao cho các trang sử luôn đầm đìa cảm xúc.  - Bên cạnh đó, lịch sử Việt Nam không bao giờ khô khan, nhàm chán như bạn đã cảm nhận. Đơn giản như, sự lớn lao của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng, ba năm độc lập đầu tiên của cuộc hành trình ngàn năm đấu tranh tiến tới nền độc lập của dân tộc.  **Câu 4 (trang 115 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Truyện cười** | **Thơ trào phúng** | | Nét tương đồng | Đều mang lại tiếng cười hài hước và vui vẻ cho người đọc. | | | Đặc điểm riêng | Câu chuyện dân gian kể về các câu truyện hài của cuộc sống hay câu chuyện kể ra để ví về điều gì đó. | Những câu chuyện châm biếm, khinh thường và sử dụng ngôn từ cười nhân vật, câu chuyện muốn nhắm tới. Từ đó đưa ra thông và bài học cho người đọc. | |
| **\* NV2:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): HĐ nhóm**  - **GV giao nhiệm vụ: Tìm hiểu phần II. Tiếng Việt (trang 115 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  **Câu 1 (trang 115 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):** Cho đoạn trích sau:  *Chồng đành rút xuống lần nữa*  – Ừ thôi, tôi nói thật nhé! Quả tôi nom thấy con rắn đài đúng hai mươi thước không kém một tấc, một phân nào!  *Lúc này vợ mới bò lăn ra cười*  *– Bề ngang hai mươi thước, bề dài hai mươi thước dùng. Thì ra là con rắn vuông*  *bốn góc à?*  (Truyện cười dân gian Việt Nam, Con rắn vương)  a. Theo em, câu “Thì ra là con rắn vuông bốn góc à?” có phải là câu hỏi tu từ không? Dựa vào đâu em nhận xét như vậy?  b. Cho biết sắc thái nghĩa của các từ “ừ”, “nhé” trong đoạn trích. Trong giao tiếp, em có thể sử dụng các từ này với những đối tượng nào, trong những tình huống nào?  **Câu 2 (trang 115 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):** Xác định biện pháp tu từ đảo ngữ trong đoạn thơ sau và nêu tác dụng của biện pháp này:  *Đầu gió cồn thơm đất nhỏ mùi*  *Đâu ruồng tre mặt thở yên vui*  *Đậu từng ô mạ xanh mơn mởn*  *Đâu những nương khoai ngọt sẵn bùi?*  (Tố Hữu, Nhớ đồng)  **Câu 3 (trang 116 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):** Đọc câu sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:  *Nhưng có lẽ là tôi không thể nào bỏ đi cho dù là một hạt xôi nếp đẹp như một hạt ngọc và ngậy thơm làm vỏ định trên chiếc bánh được.*  (Nguyễn Quang Thiều, Tôi khóc những cánh đồng rau khúc)  a. Câu trên thuộc kiểu câu kể, câu hỏi, câu khiến hay câu cảm? Dựa vào đâu em xác định như vậy?  b. Xác định thành phần biệt lập có trong câu trên.   * HS nhận nhiệm vụ.   **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS trao đổi thảo luận hoàn thiện bảng mẫu.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**Đại diện nhóm trình bày;  Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung  (Phần thuyết trình có thể thuyết trình kết hợp với các slile hoặc sapo)  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  - Đánh giá, nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức.  Nhận xét phần trình bày của các nhóm. | **Phần II. Tiếng Việt (trang 115 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  **Câu 1 (trang 115 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  a.  Có phải là câu hỏi tu từ vì có dấu hỏi chấm ở cuối câu. Nó luôn ngầm ẩn một nội dung phán đoán nào đó, có thể là khẳng định về con rắn vuông bốn góc.  b. Sắc thái từ "ừ", "nhé" trong đoạn trích sử dụng những từ này đối với đối tượng bằng vai hoặc ít tuổi hơn, trong tình huống xã giao, nói chuyện.  **Câu 2 (trang 115 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  - Cả 4 câu thơ đều sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ  - Tác dụng: nhấn mạnh nỗi hiu quạnh, nhớ thương của tác giả với quê hương, làng xóm. sử dụng điệp từ: "Đâu" vừa liệt kê vừa như hỏi han mà lại vô cùng cảm thán.  **Câu 3 (trang 116 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  a. Câu trong đề bài thuộc câu kể. Dấu hiệu nhận biết: kết thúc bằng dấu chấm, nội dung của câu là thông báo một sự việc.  b. Thành phần biệt lập: Thành phần tình thái “có lẽ là” biểu thị ý khẳng định một cách dè dặt về điều người nói nghĩ rằng như thế. |

**C.  HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS củng cố lại kiến thức đã học

**b) Nội dung**:

**- GV** tổ chức cho HS tham gia các trò chơi, nêu các câu hỏi yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập.

**- HS** tham gia các trò chơi, yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập của GV.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV3:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): HĐ nhóm**  - **GV giao nhiệm vụ: Tìm hiểu Phần III. Viết (trang 115 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  **Câu 1 (trang 116 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):** Điền vào bảng sau thông tin về các kiểu bài viết đã học ở học kì II (làm vào vở):   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Kiểu bài** | **Khái niệm** | **Đặc điểm** | **Bố cục** | | Bài văn phân tích một tác phẩm văn học |  |  |  | | Bài văn giới thiệu một cuốn sách |  |  |  | | Bài văn kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội |  |  |  |   **Câu 2 (trang 116 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):** Đánh dấu vào ô Đúng, Sai tương ứng với các ý kiến dưới đây.   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Ý kiến** | **Đúng** | **Sai** | **Lí giải nếu sai** | | 1 | Khi viết bài phân tích một tác phẩm văn học, cần phải tách riêng luận điểm về chủ đề và về các đặc sắc nghệ thuật. |  |  |  | | 2 | Với bài phân tích một tác phẩm văn học, cần nêu càng nhiều bằng chứng càng tốt. |  |  |  | | 3 | Với bài phân tích một tác phẩm văn học, lí lẽ là phần kể lại nội dung của tác phẩm. |  |  |  | | 4 | Khi viết bài phân tích một tác phẩm văn học, lí lẽ là những lí giải, đánh giá, phân tích về các bằng chứng trong văn bản, giúp làm sáng tỏ luận điểm. |  |  |  | | 5 | Khi viết bài văn kể về một hoạt động xã hội, có thể tuỳ ý sử dụng ngôi kể. |  |  |  | | 6 | Đối với bài văn kể về một chuyến đi hay một hoạt động xã hội, cần kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm để bài văn thêm sinh động, chân thực. |  |  |  | | 7 | Có thể kể về một chuyến đi và một hoạt động mà bản thân không trực tiếp tham gia. |  |  |  | | 8 | Khi viết bài giới thiệu về một cuốn sách yêu thích, cần tóm tắt nội dung và nêu các thông tin về cuốn sách. |  |  |  | | 9 | Trong bài giới thiệu về một cuốn sách, cần trực tiếp | khuyến nghị mọi người đọc sách. |  |  |  |   **Câu 3 (trang 117 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):** Đối với các kiểu bài viết của học kì II, có thể sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ như thế nào để bài văn thêm sinh động, hấp dẫn?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo sự hướng dẫn của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Lần lượt cá nhân học sinh trả lời câu hỏi và lí giải  - HS lắng nghe, ghi chép ý kiến nhận xét khi giáo viên sửa chữa.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, yêu cầu HS chỉnh sửa hoàn thiện bài tập. | **Phần III. Viết (trang 115 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  **Câu 1 (trang 116 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Kiểu bài** | **Khái niệm** | **Đặc điểm** | **Bố cục** | | Bài văn phân tích một tác phẩm văn học | là kiểu bài làm văn trình bày những nhận định, đánh giá về tác phẩm trên cơ sở xem xét từng bộ phận, từng mặt của tác phẩm ấy rồi tổng hợp lại. | Thể hiện rõ ý kiến của người viết về tác phẩm cần bàn luận, có thể là về nhân vật, chi tiết, ngôn từ, đề tài, chủ đề | - Mở bài: giới thiệu nhân vật cần bàn luận và thể hiện ý kiến của người viết về đặc điểm của nhân vật.  - Thân bài: giới thiệu về tác giả, tác phẩm để giúp người đọc hiểu thêm về nhân vật cần phân tích. Khẳng định ý kiến về các đặc điểm của nhân vật, đưa ra lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến; các lí lẽ và bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.  - Kết bài: khẳng định lại ý kiến của người viết về đặc điểm của nhân vật, nêu cảm nghĩ của người viết về nhân vật. | | Bài văn giới thiệu một cuốn sách | mang tính chất mô tả, cung cấp thông tin cần thiết về cuốn sách đó. Loại bài viết này được thực hiện bằng cách người viết nêu rõ các ý tưởng, thông điệp hay mục đích của tác giả muốn truyền tải đến người đọc mà mình cảm nhận được khi đọc sách, trong đó có trích dẫn những đoạn nổi bật (có trong sách). | ài viết truyền tải được đầy đủ thông điệp của tác giả đến độc giả, hình thành và nâng cao tình yêu với sách, khuyến khích được mọi người tìm mua/mượn và đọc sách. | Bố cục 3 phần | | Bài văn kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội | Kể về một hoạt động trải nghiệm của bản thân và bạn bè | Những trải nghiệm chân thật để kể lại qua chính nhật vật đó | Bố cục 3 phần |   **Câu 2 (trang 116 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Ý kiến** | **Đúng** | **Sai** | **Lí giải nếu sai** | | 1 | Khi viết bài phân tích một tác phẩm văn học, cần phải tách riêng luận điểm về chủ đề và về các đặc sắc nghệ thuật. |  | x | Có thể tách riêng luận điểm về chủ đề và về các đặc sắc nghệ thuật; cũng có thể vừa phân tích chủ đề và đặc sắc nghệ thuật trong một luận điểm. | | 2 | Với bài phân tích một tác phẩm văn học, cần nêu càng nhiều bằng chứng càng tốt. |  | x | Bằng chứng cần được nêu vừa đủ, chính xác, sao cho làm sáng tỏ được các luận điểm. | | 3 | Với bài phân tích một tác phẩm văn học, lí lẽ là phần kể lại nội dung của tác phẩm. |  | x | Lí lẽ không phải là phần kể lại nội dung tác phẩm mà là phần phân tích, lí giải các bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm. | | 4 | Khi viết bài phân tích một tác phẩm văn học, lí lẽ là những lí giải, đánh giá, phân tích về các bằng chứng trong văn bản, giúp làm sáng tỏ luận điểm. | x |  |  | | 5 | Khi viết bài văn kể về một hoạt động xã hội, có thể tuỳ ý sử dụng ngôi kể. |  | x | Khi viết bài văn kể một hoạt động xã hội, cần kể bằng ngôi thứ nhất vì đây là hoạt động do chính bản thân trải nghiệm, để lại cho bản thân suy nghĩ, tình cảm sâu sắc. | | 6 | Đối với bài văn kể về một chuyến đi hay một hoạt động xã hội, cần kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm để bài văn thêm sinh động, chân thực. | x |  |  | | 7 | Có thể kể về một chuyến đi và một hoạt động mà bản thân không trực tiếp tham gia. |  | x | Cần kể về chuyến đi và hoạt động mà bản thân đã trực tiếp tham gia để đảm bảo sự sinh động, chân thực, đáng tin cậy cho bài viết. | | 8 | Khi viết bài giới thiệu về một cuốn sách yêu thích, cần tóm tắt nội dung và nêu các thông tin về cuốn sách. | x |  |  | | 9 | Trong bài giới thiệu về một cuốn sách, cần trực tiếp | khuyến nghị mọi người đọc sách. |  | x | Có thể khuyến nghị mọi người đọc sách bằng cả hình thức trực tiếp lẫn gián tiếp. |   **Câu 3 (trang 117 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  - Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ như: hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu…  - Phân tích kết nối nội dung các phương tiện phi ngôn ngữ ấy với bài viết, tránh trường hợp các phương tiện phi ngôn ngữ đưa ra không liên quan.  - … |
| **\* NV2:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): HĐ nhóm**  - **GV giao nhiệm vụ: Tìm hiểu Phần IV: NÓI VÀ NGHE (trang 117 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  **Câu 1 (trang 117 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):** Sưu tầm và giới thiệu với các bạn một số phương pháp ghi chép hiệu quả để nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.  **Câu 2 (trang 117 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):** Khi trình bày, giới thiệu về một cuốn sách, làm thế nào để trình bày được hấp dẫn, sinh động? Em hãy trả lời dựa vào bảng sau (làm vào vở):   |  |  | | --- | --- | | **Cách trình bày** | **Tác dụng** | | Cầm theo cuốn sách và giới thiệu. | Giúp phần giới thiệu được trực quan, lôi cuốn đối với người nghe. | | Mở đầu bài giới thiệu bằng trò chơi liên quan đến cuốn sách. | Khơi gợi sự tò mò, tạo hứng thú cho người nghe. | | … | … |   **Câu 3 (trang 117 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):** Ghi lại các kinh nghiệm của bản thân sau khi thực hiện thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo sự hướng dẫn của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Lần lượt cá nhân học sinh trả lời câu hỏi và lí giải  - HS lắng nghe, ghi chép ý kiến nhận xét khi giáo viên sửa chữa.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, yêu cầu HS chỉnh sửa hoàn thiện bài tập. | **Phần IV: NÓI VÀ NGHE (trang 117 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  **Câu 1 (trang 117 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  - Ghi chép theo dạng sơ đồ tư duy.  -  Ghi chép theo kĩ thuật KWL  - Ghi chép dưới dạng từ khóa.  - …  **Câu 2 (trang 117 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  - HS xây dựng kế hoạch thông qua các hoạt động: nhóm, cá nhân.  - Tổ chức các trò chơi nhằm khơi gợi sự tò mò.  - …  **Câu 3 (trang 117 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  - HS rút ra kinh nghiệm của bản thân sau khi thảo luận.  - Xây dựng kế hoạch phát huy ưu điểm và khắc phục hạn chế.  - … |

**D.  HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Khái quát lại những nội dung đã học bằng hệ thống bài tập.

**b) Nội dung**:

**- GV** tổ chức cho HS tham gia các trò chơi, nêu các câu hỏi yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập.

**- HS** tham gia các trò chơi, yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập của GV.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ:  *Viết sơ đồ tư duy tóm tắt phần ôn tập.*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm cá nhân.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | * HS thực hiện, trình bày kết quả. |

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**